



AN TIEN
INDUSTRIES

2018

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

MỤC LỤC

1.	Lời mở đầu.....	4
1.1.	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT.....	4
1.2.	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị.....	5
1.3.	Hành trình 2018.....	6
2.	Giới thiệu công ty.....	8
2.1.	Thông tin khái quát.....	8
2.2.	Các thông tin tài chính cơ bản.....	9
2.3.	Lịch sử hình thành.....	10
2.4.	Lĩnh vực kinh doanh.....	10
2.5.	Địa bàn kinh doanh.....	11
2.6.	Các công ty con và công ty liên kết.....	11
2.7.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức.....	12
2.8.	Giới thiệu HĐQT.....	13
2.9.	Giới thiệu BDH công ty.....	15
2.10.	Giới thiệu BKS.....	16
2.11.	Thay đổi nhân sự HĐQT, BDH công ty trong năm.....	17
2.12.	Chiến lược phát triển.....	18
3.	Tình hình hoạt động trong năm.....	20
3.1.	Tổng quan kinh tế vĩ mô 2018.....	20
3.2.	Thông tin thị trường ngành.....	23
3.3.	Báo cáo của HĐQT.....	25
3.3.	Báo cáo đánh giá của Ban TGD.....	29
4.	Quản trị công ty.....	33
4.1.	Thông tin cổ phiếu và hoạt động IR.....	33
4.2.	Hoạt động của ĐHĐCĐ.....	38
4.3.	Hoạt động của HĐQT.....	41
4.4.	Báo cáo của BKS.....	47
4.5.	Giao dịch & thù lao.....	54
4.6.	Quản trị rủi ro.....	57
4.7.	Đánh giá tình hình thực hiện Quản trị công ty dựa trên Thẻ điểm Quản trị công ty.....	61
5.	Báo cáo tác động môi trường xã hội.....	65
5.1.	Thông tin chung về báo cáo.....	65
5.2.	Định hướng phát triển bền vững.....	66
5.3.	Gắn kết với các bên liên quan.....	67
5.4.	Hiệu quả kinh tế.....	71
5.5.	Phát triển nguồn nhân lực.....	72
5.6.	Phát triển xã hội.....	75
6.	Báo cáo tài chính.....	79

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

APH: CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

BCTC: Báo cáo tài chính

BĐH: Ban Điều hành

BKS: Ban Kiểm soát

BLĐ: Ban lãnh đạo

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

CPI: Consumer Price Index – Chỉ số giá tiêu dùng

CTCP: Công ty Cổ phần

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

GDP: Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa

GCC: Các nước trong Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh

HĐQT: Hội đồng Quản trị

KCN: Khu Công nghiệp

KPI: Key Performance Indicators – Chỉ số đo lường hiệu quả công việc

MCK: Mã chứng khoán

PTBV: Phát triển bền vững

TC-KT: Tài chính – Kế toán

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

TP: Thành phố

UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Lời mở đầu

1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông và Nhà đầu tư!

Trong năm 2018, kinh tế chính trị toàn cầu có nhiều biến động với xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, giá dầu đảo chiều liên tục với thời gian dao động ngắn gây ra nhiều khó khăn cho ngành nhựa. Trong bối cảnh đó, HĐQT, BĐH và cán bộ công nhân viên của HII đều rất nỗ lực để hướng tới mục tiêu ĐHCĐ đã đề ra với kết quả như sau: Doanh thu hợp nhất đạt 4.874 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 45 tỷ đồng. Tăng trưởng mạnh về doanh thu đến từ việc tăng công suất vận hành nhà máy sản xuất hạt compound và bột đá CaCo₃, đồng thời đẩy mạnh hoạt động thương mại hạt nhựa và dịch vụ vận tải. Chỉ sau hơn một năm thành lập, An Thành Bicsol đã thành công xây dựng mạng lưới khách hàng rộng khắp ngành nhựa, khẳng định sức ảnh hưởng và vị thế trong ngành khi trở thành một trong những nhà xuất nhập khẩu nguyên vật liệu ngành nhựa hàng đầu tại Việt Nam. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp chưa đạt kế hoạch, nguyên nhân là do công ty đã chủ động áp dụng chính sách bình ổn giá bán để đẩy mạnh công suất hoạt động của nhà máy trong bối cảnh giá hạt nhựa biến động, đồng thời hợp đồng bao tiêu hạt nhựa chậm tiến độ so với kế hoạch khiến hiệu quả hoạt động mảng thương mại chưa được phản ánh trong năm 2018.

Năm 2019 được dự báo đem đến nhiều cơ hội và thách thức cho HII. Những diễn biến khó dự báo về kinh tế chính trị trên thế giới, biến động từ giá dầu... đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược và tầm nhìn dài hạn và khả năng điều chỉnh, thích nghi với những biến động bất ngờ. Tuy nhiên, thách thức sẽ tạo ra cơ hội. Xu hướng chuyển dịch đơn hàng từ Trung Quốc sang các quốc gia với nguồn cung ổn định và giá cả cạnh tranh, đồng thời nền sản xuất trong nước được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2019 sẽ mở ra thị trường tiềm năng cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu như HII.

Với những nhận định trên, trong năm 2019 Ban lãnh đạo Công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh với doanh thu hợp nhất ước đạt 3.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế ước đạt 70 tỷ đồng (tăng 40% cùng kỳ), đảm bảo mức lợi nhuận trên cổ phiếu (EPS) bình quân đạt 3.048 đồng, dự kiến tỷ lệ cổ tức khoảng 10-20%. Năm 2019 sẽ là giai đoạn để HII tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp bằng các hoạt động R&D để tối ưu hóa nguyên vật liệu đầu vào, tăng năng suất sản xuất; tăng cường năng lực kinh doanh các dịch vụ vận tải, dịch vụ cảng biển và kho bãi trên cả nước, tăng cường tài chính thận trọng, kiểm soát chi phí và công nợ hiệu quả cho hoạt động thương mại.

HĐQT và Ban Điều hành HII tin tưởng rằng dựa trên những nền tảng tích cực mà doanh nghiệp đã xây dựng cùng với chiến lược kinh doanh phù hợp, năng lực, ý chí và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, HII sẽ tiếp tục nâng cao vị thế trong ngành nhựa, tạo ra giá

trị cao hơn cho cổ đông, tiếp tục khẳng định vị trí tiên phong vững chắc trong các doanh nghiệp nguyên vật liệu ngành nhựa trong năm 2019 và những năm tiếp sau nữa.

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT

(đã ký)

ĐINH XUÂN CƯỜNG

1.2. Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị

- **Tâm nhìn:** Trở thành nhà sản xuất phụ gia ngành nhựa lớn nhất Việt Nam
- **Sứ mệnh:** Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam cùng phát triển, nâng tầm vị thế thương hiệu nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường Việt Nam.
- **Định vị thương hiệu:** Doanh nghiệp tiên phong tạo lập chuỗi giá trị công nghiệp nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường, xây dựng và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững
- **Giá trị cốt lõi:**

○ **SÁNG TẠO – ĐỔI MỚI:** Sức sáng tạo là một trong những giá trị tiên quyết thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Thành công của doanh nghiệp đến từ sức sáng tạo không ngừng, từ sự quyết tâm dám đổi mới, tạo ra những giá trị mới.

○ **ĐOÀN KẾT – KỶ LUẬT:** Tập thể CBCNV đoàn kết làm nên sức mạnh, đồng lòng để thực hiện những nhiệm vụ lớn lao, chung sức để vượt tới những điều không thể. Tinh thần đoàn kết, kỷ luật trong công việc chính là sức mạnh nội lực của doanh nghiệp để tạo ra sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, đưa doanh nghiệp phát triển và lớn mạnh từng ngày.

○ **CHIA SẺ - NHÂN VĂN:** Doanh nghiệp trân trọng mọi giá trị, tài năng và cố gắng của từng cán bộ nhân viên. Triết lý quản trị nhân sự của Công ty xuất phát từ tình cảm thân tình trong mối quan hệ giữa nhân viên, nhân viên cùng lãnh đạo, doanh nghiệp với đối tác.

○ **HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG:** Thành công của Doanh nghiệp không chỉ được thể hiện bằng kết quả kinh doanh mà còn là những giá trị bền vững đóng góp cho cộng đồng và xã hội. Không ngừng áp dụng những cải tiến mới để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn lực hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông và các bên hữu quan là những bước đi trên lộ trình trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững của doanh nghiệp.

1.3. Hành trình 2018

HII vinh dự được vinh danh trong VNR500, FAST500 và Top 50 Vietnam Best Growth



Tháng 4/2018

HII vinh dự nhận giải thưởng FAST500 – Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm và Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2018.

Đồng thời HII tiếp tục lọt vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đã cải thiện đáng kể vị trí xếp hạng, từ 431 năm 2017 lên 278 năm 2018 (tăng 131 bậc). Điều này lại một lần nữa khẳng định những bước tiến dài của HII trong thời gian vừa qua.

HII huy động thành công 190,4 tỷ đồng từ chào bán cổ phiếu ra công chúng



Tháng 5/2018

Trong quý II/2018, HII đã phát hành 13.600.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thu về 190,4 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn là tăng vốn góp của HII tại CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành và CTCP Liên vận An Tín để bổ sung vốn lưu động.

HII được công nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín bởi Bộ Công Thương



Tháng 7/2018

HII được vinh danh là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín ngành chất dẻo theo danh sách công bố bởi Bộ Công thương, khẳng định được vai trò và vị thế trong ngành nhựa quốc gia với vị trí trong Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất về kim ngạch xuất khẩu.

AAA nâng tỷ lệ sở hữu tại HII từ 34,47% lên 51% vốn điều lệ



Tháng 8/2018

AAA đã hoàn tất mua thêm 4,6 triệu cổ phiếu HII, nâng lượng sở hữu từ 9,6 triệu (tỷ lệ 34,47%) lên 14,2 triệu tương ứng 50,99% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của HII. Trước giao dịch này, mặc dù tỷ lệ sở hữu dưới 50% nhưng HII vẫn được ghi nhận là công ty con của HII do có 3/5 Thành viên HĐQT của AAA là Ủy viên BDH của HII và là đại diện quản lý vốn của công ty tại HII nên AAA đã nắm quyền kiểm soát tại HII.

HII thay đổi bộ nhận diện thương hiệu, đồng nhất với bộ nhận diện của tập đoàn



Tháng 9/2018

Để thống nhất trong việc nhận diện thương hiệu Tập đoàn An Phát Holdings, HII ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới. Với màu sắc chủ đạo là màu xanh dương và màu xanh lá cây, logo biểu trưng cho tầm nhìn công nghiệp hóa gắn với phát triển bền vững mà Công ty muốn hiện thực hóa trong giai đoạn phát triển mới. Logo cũng truyền tải khát vọng tiến lên phía trước, không ngừng nỗ lực tập thể CBCNV, trở thành nhà sản xuất hạt nhựa phụ gia tiên phong tại Việt Nam, nâng tầm hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

HII vinh dự nhận giải Sao Vàng Đất Việt



Tháng 12/2018

An Tien Industries vinh dự lần đầu tiên nhận được giải thưởng Sao Vàng Đất Việt. Đây là giải thưởng uy tín của Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức cùng Trung ương Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam dành cho thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế.

An Tien Industries đã được vinh danh là doanh nghiệp lọt TOP 100 thương hiệu tiêu biểu Việt Nam với sản phẩm hạt phụ gia nhựa Ancal. Đây là vinh dự và cũng là động lực lớn của An Tien Industries nói riêng và Tập đoàn An Phát Holdings (APH) nói chung (An Tien Industries là công ty thành viên của Tập đoàn An Phát Holdings) trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh và thực hiện các chương trình cộng đồng, đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

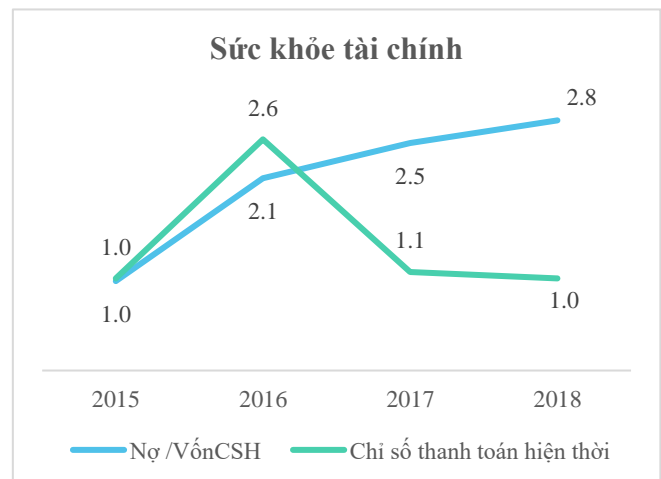
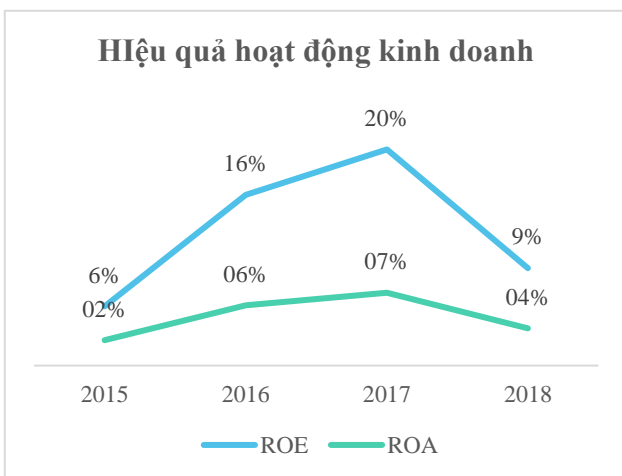
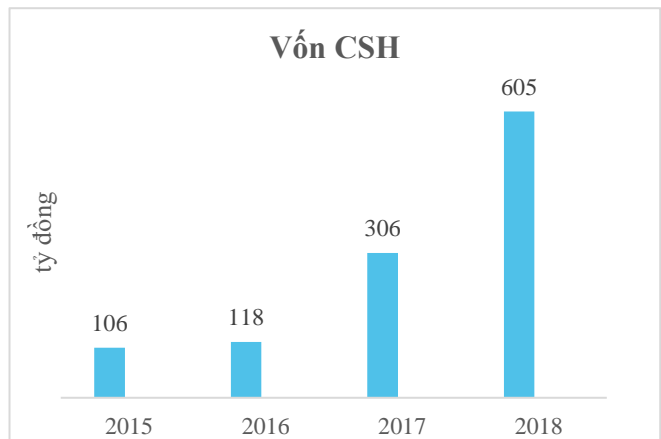
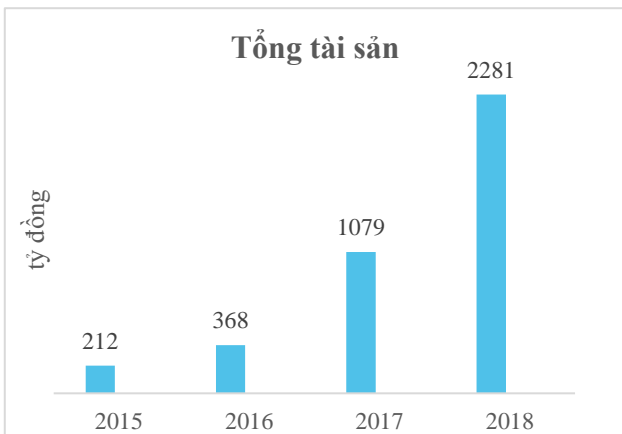
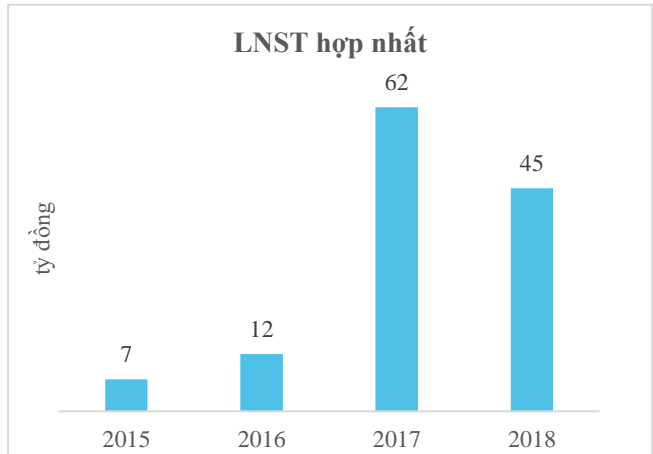
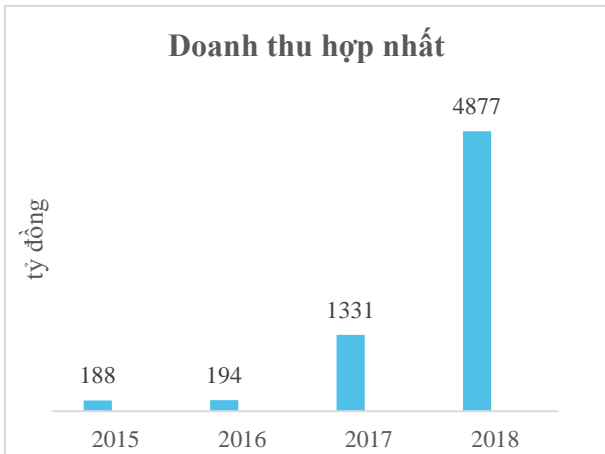
2. Giới thiệu công ty

2.1. Thông tin khái quát

Tên Công ty	CTCP AN TIÊN INDUSTRIES
Tên tiếng Anh	An Tien Industries Joint Stock Company
Tên viết tắt	An Tien Industries., JSC
Giấy CNĐKKD	Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016
Vốn Điều lệ	đồng
Trụ sở chính	Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
Điện thoại	0293 853 886
Fax	0293 851 123
Website	www.anphatmineral.com
Mã cổ phiếu	HII



2.2. Các thông tin tài chính cơ bản



2.3. Lịch sử hình thành

Thời gian	Dấu mốc phát triển
2009	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái tại KCN phía Nam, thành phố Yên Bái Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ với công suất 4.800 tấn/năm.
2010	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ đi vào hoạt động
2013	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng Lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 15.000 tấn/năm
2016	<ul style="list-style-type: none"> Lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa công suất lên 35.000 tấn/năm Tăng vốn điều lệ từ 86 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng Đầu tư dự án nâng công suất nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia lên 150.000 tấn/năm, nhà máy sản xuất bột đá CaCO₃ công suất 222.000 tấn/năm
2017	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức niêm yết tại HSX, MCK là HII Khánh thành nhà máy sản xuất bột đá CaCO₃ với công suất 222.000 tấn/năm
2018	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ lên 278 tỷ đồng Đổi tên thành CTCP An Tiến Industries, thay đổi bộ nhận diện thương hiệu

2.4. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất và phân phối nguyên vật liệu ngành nhựa: sản xuất và phân phối bột đá CaCO₃ và hạt nhựa phụ gia PE, PP dưới thương hiệu Calbest; phân phối các loại hạt nhựa, hóa chất...



Calbest



Hạt màu



Bột đá

- Cung cấp các dịch vụ logistics: cung cấp các giải pháp logistics tổng thể như giao nhận quốc tế, vận tải nội địa, dịch vụ hải quan, logistics và cho thuê kho bãi.

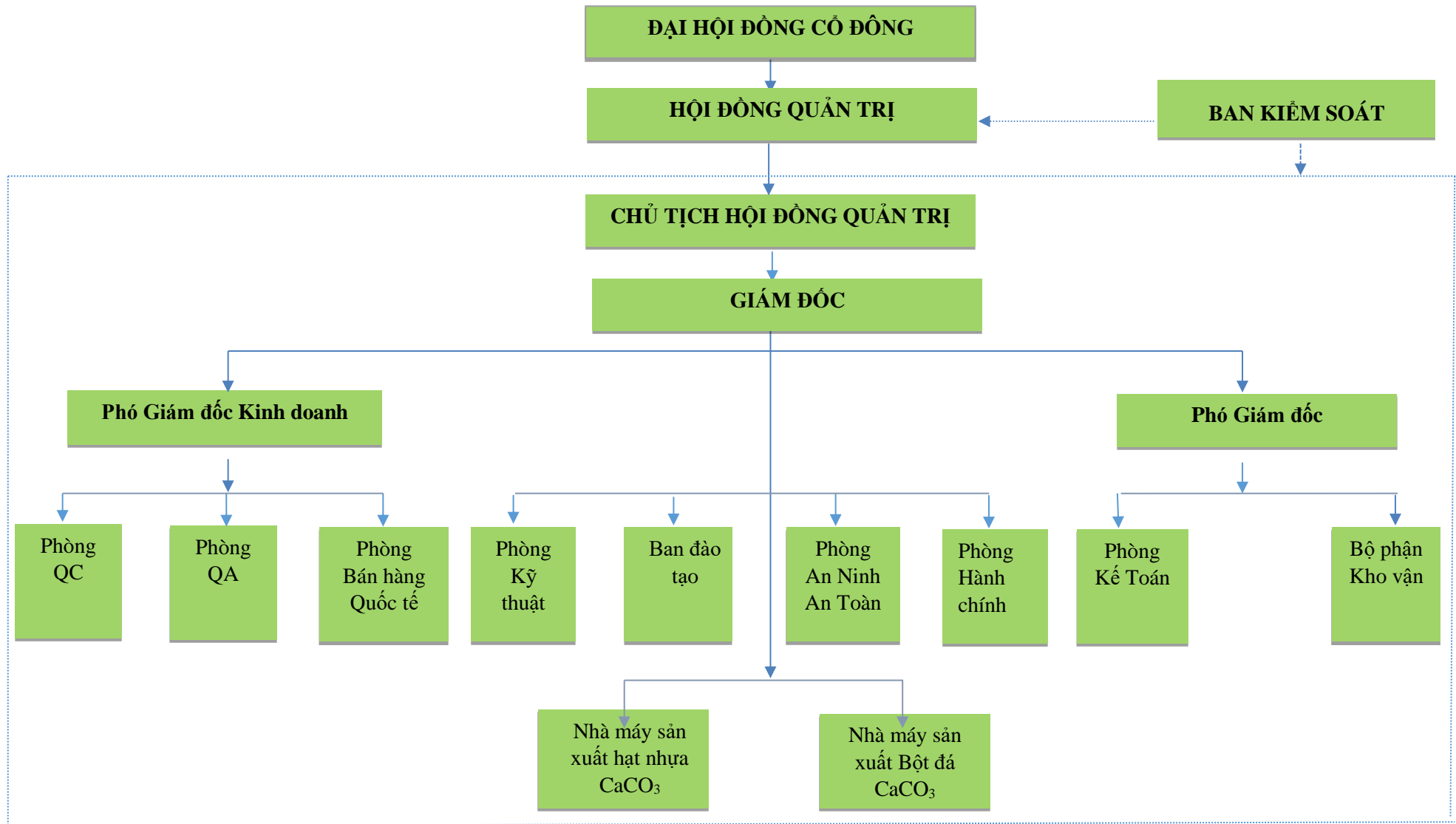
2.5.Địa bàn kinh doanh

HII sở hữu hệ thống nhà máy sản xuất hạt Calbest và bột đá tại tỉnh Yên Bái. Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành, công ty chủ yếu xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài tới các thị trường chủ yếu: Châu Âu, Nhật Bản, Úc, Mỹ, Phi...

2.6.Các công ty con và công ty liên kết

ST T	Công ty	Mối liên hệ	Tỷ lệ góp vốn	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1	CTCP Liên Vận An Tín	Công ty con	51%	Khu CN phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Vận tải hàng hóa bằng đường, ven biển và viễn dương
2	CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành	Công ty con	69,26%	Km47 Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, PET...
3	Công ty TNHH An Thành Bicsol Singapore	Công ty con	100%		Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, PET...

2.7. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



2.8. Giới thiệu HĐQT



Ông
Nguyễn Hữu Long



Ông
Phạm Ánh Dương



Ông
Đinh Xuân Cường



Ông
Vũ Thanh Bình



Ông
Phạm Đỗ Huy Cường

Thành viên	Quá trình công tác
<p>Ông Đinh Xuân Cường <i>Chủ tịch HĐQT</i> <i>(Thành viên độc lập HĐQT)</i> <i>Tiến sĩ tài chính</i> <i>Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2003 - 2006: Trader Calyon Corporate & Investment Bank, Paris, Pháp - 2007 - 2010: Phó Tổng Giám đốc INB Investment, Việt Nam - 03/2011 - 08/2011: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Ocean - 07/2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn An Phát Holdings. - 07/2017 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh. - 02/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát - 09/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP An Tiến Industries
<p>Ông Phạm Ánh Dương <i>Ủy viên HĐQT</i> <i>(Thành viên độc lập HĐQT)</i> <i>Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh</i> <i>Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1998 - 2000: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC - 2000 - 2002: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo - 2002 - 2007: Giám đốc Công ty TNHH Anh Hai Duy - 2007 - 2009: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát - 2009 - 2015: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái - 2010 - 06/2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

	<ul style="list-style-type: none"> - 07/2011 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát. - 03/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings - 09/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries
<p>Ông Nguyễn Hữu Long <i>Ủy viên HĐQT</i> <i>(Thành viên HĐQT không điều hành)</i> <i>Cử nhân Kinh tế</i> <i>Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1996 - 1998: Nhân viên Công ty Phát triển Tin học Hà Nội - 1998 - 2002: Trưởng nhóm kinh doanh Công ty máy tính CMC - 2002 - 2007: Tổng Giám đốc Công ty Máy tính Gia Long Digital - 03/2017 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings - 07/2017 đến nay: Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành, Ủy viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh
<p>Ông Phạm Đỗ Huy Cường <i>Ủy viên HĐQT</i> <i>(Thành viên độc lập HĐQT)</i> <i>Thạc sĩ Quản trị kinh doanh</i> <i>Sinh năm 1984</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2005 – 2009: Chuyên viên tài chính Tập đoàn xăng dầu Việt Nam - 2009 – 2013: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Ernst&Young - 2014 - 2015: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đại Dương - 2015 -2017: Giám đốc tài chính CTCP Tập đoàn T&T - 07/2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
<p>Ông Vũ Thanh Bình <i>Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty</i> <i>(Thành viên HĐQT điều hành)</i> <i>Cử nhân kinh tế</i> <i>Sinh năm 1988</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2010 – 2011: Điều phối viên dự án An Phát – IMPAC - 2011 – 2012: Giám đốc Nhà máy Số 1 CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát - 2013 - 3/2016: Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái. - 4/2016 – 10/2018: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries - 10/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP An Tiến Industries

2.9. Giới thiệu BDH công ty



Ông
Đoàn Minh Đức



Ông
Vũ Thanh Bình



Bà
Nguyễn Thị Thu Nhân

Thành viên	Quá trình công tác
<p>Ông Vũ Thanh Bình <i>Tổng Giám đốc Công ty</i> <i>Ủy viên HĐQT</i> <i>Cử nhân kinh tế</i> <i>Sinh năm 1988</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2010 – 2011: Điều phối viên dự án An Phát – IMPAC - 2011 – 2012: Giám đốc Nhà máy Số 1 CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát - 2013 - 3/2016: Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái. - 4/2016 – 10/2018: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái - 10/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP An Tiến Industries
<p>Ông Đoàn Minh Đức <i>Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh</i> <i>Cử nhân Kinh tế</i> <i>Sinh năm 1984</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 11/2008 – 03/2011: Trưởng phòng Marketing Công ty TNHH Toàn Mỹ Phú; Trưởng đại diện tại Việt Nam Công ty Phytosynthese - Pháp - 07/2011 – 05/2012: Trưởng phòng Marketing Công ty TNHH Khang Minh Việt Nam - 05/2012 - 04/2015: Trưởng phòng Marketing và Trợ lý chiến lược ban TGD CTCP Nhựa Châu Âu - 06/2015 – 04/2018: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Nhựa Vico Việt Nam - 08/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries

<p>Bà Nguyễn Thị Thu Nhân <i>Kế toán trưởng</i> <i>Cử nhân</i> <i>Sinh năm 1988</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 8/2011 – 2012: Nhân viên kế toán CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái. - 2012 – 2015: Phụ trách phòng Kế toán CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái - 2016 – 02/2018: Phó Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái - 03/2018 – 08/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái - 2016 đến nay: Kế toán trưởng toán CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries
---	--

2.10. Giới thiệu BKS



Bà
Đặng Thị Xuê



Bà
Nguyễn Thị Hương



Bà
Hoàng Phương Hằng

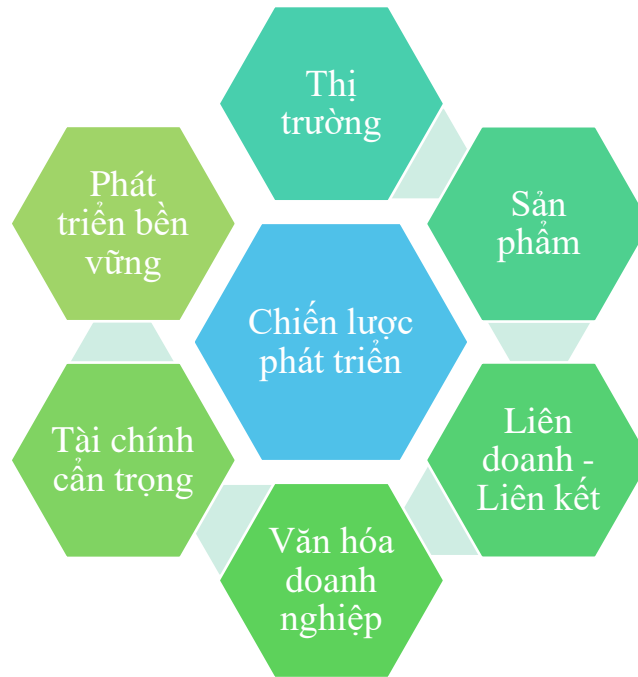
Thành viên	Quá trình công tác
<p>Bà Nguyễn Thị Hương <i>Trưởng BKS</i> <i>Cử nhân Kế toán</i> <i>Sinh năm: 1984</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2004 – 2007: Quản lý kho thiết bị kỹ thuật của công ty TNHH NISSEI ELECTRIC VIET NAM (NEV) - 12/2007 – 5/2009: Công ty TNHH NISSEI ELECTRIC HÀ NỘI (NEH) - 7/2009 – 03/2017: Nhân viên CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát. - 2010 – 03/2017: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái

	<ul style="list-style-type: none"> - 03/2017 đến nay: Trưởng BKS CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái nay là CTCP An Tiến Industries
Bà Đặng Thị Xuê <i>Thành viên BKS</i> <i>Cử nhân kinh tế - kế toán</i> <i>Sinh năm: 1982</i>	<ul style="list-style-type: none"> - 2007 – 02/2008: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Nghĩa Bình - 03/2008 - 5/2013: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Nghĩa Bình và CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát - 6/2013 đến nay: Trưởng phòng mua hàng CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, đồng thời là Thành viên BKS CTCP An Tiến Industries
Bà Hoàng Phương Hằng <i>Thành viên BKS</i> <i>Cử nhân Tài chính Ngân hàng</i> <i>Sinh năm: 1993</i>	<ul style="list-style-type: none"> - 5/2016 đến nay: Nhân viên Ban Thư kí CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát - 3/2016 đến nay: Thành viên BKS CTCP An Tiến Industries

2.11. Thay đổi nhân sự HĐQT, BDH công ty trong năm

Ông Đinh Xuân Cường	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	Bỏ nhiệm ngày 26/09/2018
Ông Phạm Ánh Dương	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	Bỏ nhiệm ngày 26/09/2018
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	Bỏ nhiệm ngày 26/09/2018
Ông Lê Đức Tứ	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	Miễn nhiệm ngày 26/09/2018
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	Miễn nhiệm ngày 26/09/2018
Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	Miễn nhiệm ngày 26/09/2018
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh	Bỏ nhiệm ngày 13/08/2018
Bà Nguyễn Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/08/2018

2.12. Chiến lược phát triển



- **Năng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm dịch vụ:** Tiếp tục đầu tư mở rộng, tăng cường năng lực sản xuất hạt nhựa phụ gia, hạt màu và bột đá, tăng cường áp dụng tự động hóa trong sản xuất, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa hiệu quả sản xuất
- **Đẩy mạnh xuất khẩu:** Thị trường xuất khẩu được xác định là thị trường chủ lực của HII, trong đó các nước EU, UAE, Trung Đông, Ấn Độ, Nga ... với những thuận lợi về thanh toán và chính sách bán hàng nên được tập trung mở rộng. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là Hạt phụ gia CaCO₃.
- **Đầu tư vào R&D ứng dụng, tiên phong về công nghệ, sẵn sàng liên doanh - liên kết:** Trung tâm R&D nghiên cứu xu thế mới nhất của thị trường, triển khai các dự án tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu, cải thiện chất lượng sản phẩm và cắt giảm chi phí sản xuất và sẵn sàng liên doanh liên kết với những người không lờ về công nghệ trên thế giới để nhận chuyển giao công nghệ, hợp tác cùng phát triển
- **Xây dựng, bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp:** Kế thừa và phát huy văn hóa của tập đoàn An Phát với việc triển khai trên 3 cột trụ: con người, giá trị văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc.
 - Về con người, nhân sự được xác định là nhân tố cốt lõi, được đầu tư nguồn lực để bồi dưỡng, vun đắp.
 - Về giá trị văn hóa doanh nghiệp, tiếp tục giữ gìn và phát huy văn hóa doanh nghiệp trên nền tảng các chuẩn mực về ứng xử, làm việc, cư xử trong 9G và 9T.

- Về môi trường làm việc, hướng đến chuẩn hóa môi trường làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp nhưng cũng ấm áp, thân thiện.
- **Xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, định hướng theo các chuẩn mực quốc tế**
 - Tiếp tục hoàn thiện, cải tiến mô hình tổ chức, quản trị doanh nghiệp để phù hợp với quy mô phát triển từng giai đoạn;
 - Quy hoạch khoa học và đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cả số lượng và chất lượng cho phát triển.
 - Không ngừng học hỏi và áp dụng những phương tiện công nghệ của thời đại để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả của công tác quản trị, điều hành.
- **Đảm bảo minh bạch, hiệu quả, thận trọng về tài chính, bảo vệ lợi ích cho cổ đông**
 - Tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính, sử dụng đòn bẩy tài chính thận trọng, bảo vệ lợi ích cho cổ đông và các bên hữu quan.
 - Ứng dụng công nghệ thông tin trong các công tác tài chính, kế toán, chủ động hoạch định, kiểm soát và quản trị tài chính.
- **Hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với phát triển bền vững:** Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng hiệu quả kinh doanh, chiến lược phát triển của HII còn gắn liền với trách nhiệm về môi trường, nguồn nhân lực và xã hội. Các cổ đông lớn của HII, HĐQT và BĐH Công ty cam kết hướng tới những chuẩn mực cao nhất về môi trường, xã hội, thực hiện minh bạch thông tin theo các tiêu chuẩn báo cáo quốc tế.
 - Môi trường: HII đưa ra giải pháp cho vấn đề môi trường bằng việc đẩy mạnh phát triển các sản phẩm thân thiện môi trường, giảm thiểu ô nhiễm rác thải nhựa. Đồng thời Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường, tuân thủ và giám sát chặt chẽ để không xảy ra vi phạm các quy định của nhà nước và chính quyền địa phương về xả thải.
 - Nguồn nhân lực: Không ngừng cải thiện môi trường và chế độ làm việc cho CBCNV, đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối; đầu tư phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao
 - Cộng đồng xã hội: Duy trì đóng góp thường xuyên cho ngân sách nhà nước, tích cực trong các công tác hỗ trợ cộng đồng

3. Tình hình hoạt động trong năm

3.1. Tổng quan kinh tế vĩ mô 2018

3.1.1. Thế giới

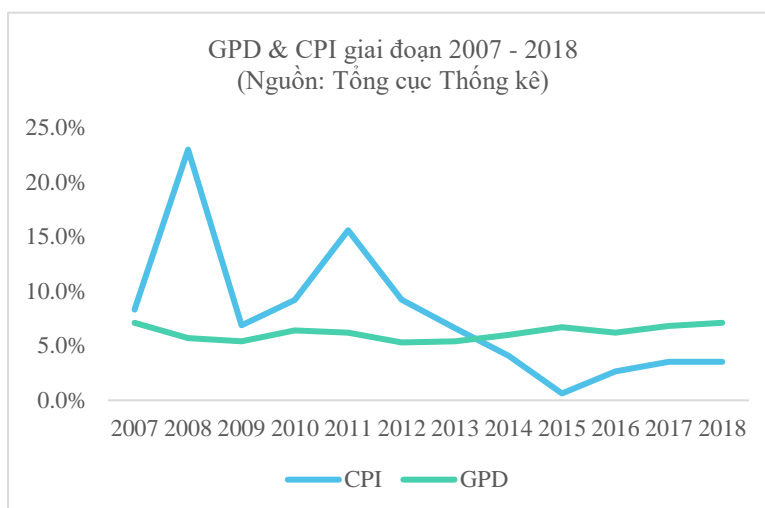
Năm 2018, nhìn chung kinh tế thế giới tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt nhờ sự tăng tốc của kinh tế Mỹ; sự ổn định của các nền kinh tế chủ chốt như châu Âu, Nhật Bản. Nửa đầu năm 2018 với những tín hiệu tăng tốc từ các chính sách như bình ổn giá năng lượng, hàng hóa, niềm tin của thị trường và hiệu ứng của Cách mạng công nghiệp 4.0 được coi là những nhân tố chủ đạo dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu, tuy nhiên ở nửa cuối năm 2018 đã không đủ để áp đảo các diễn biến tiêu cực như xu hướng bảo hộ mậu dịch, Brexit, căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.

Hãng tư vấn Oxford Economics nhận định, kinh tế thế giới năm tới có thể giảm tốc mạnh hơn dự kiến một phần do chính sách tiền tệ thắt chặt và sự sụt giảm khả năng thanh toán nợ, dự báo từ mức tăng trưởng 3,1% năm nay xuống còn 2,8% vào năm 2019 và 2,7% năm 2020. Bên cạnh đó, thương mại toàn cầu được dự báo tiếp tục xu hướng giảm. Giá hàng hóa, giá dầu dự báo biến động không nhiều. Dự báo năm 2019, giá dầu sẽ được giữ ở mức ổn định hoặc tăng nhẹ khoảng 3% so với giá dầu bình quân năm 2018 (IMF, WB).

Trong bức tranh chung khá u ám, khu vực châu Á có thể coi là điểm sáng nổi bật. Trong báo cáo cập nhật Triển vọng phát triển châu Á 2018, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vẫn duy trì dự báo mức tăng trưởng của khu vực này là 5,8% cho năm tới.

3.1.2. Việt Nam

Năm 2018 đánh dấu một năm với nhiều khởi sắc với kinh tế Việt Nam. GDP cả năm tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ 2011 trở về đây, vượt mục tiêu 6.7% kế hoạch đề ra trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đóng góp khoảng 2,5 điểm% vào tăng trưởng; ngành dịch vụ đóng góp khoảng 2,75% vào tăng trưởng. Tổng cầu của nền kinh tế duy trì mức tăng



khá, xuất khẩu và tiêu dùng tăng cao hơn cùng kỳ. Tiêu dùng cuối cùng được xem là nhân tố dẫn dắt tăng trưởng kinh tế với mức tăng 7,17% do các yếu tố (i) việc làm và thu nhập của người dân được cải thiện; (ii) niềm tin tiêu dùng được củng cố từ những kết quả của chính sách ổn định vĩ mô của Chính phủ trong một thời gian dài; (iii) lãi suất được giữ ổn định ở mức thấp làm giảm tỷ lệ tiết kiệm và tăng tiêu dùng vào các hoạt động vui chơi giải trí, du lịch.

Theo thành phần kinh tế, khu vực FDI và khu vực tư nhân trong nước là hai khu vực thúc đẩy và đóng góp chính vào tăng trưởng GDP toàn nền kinh tế. Trong đó, mức độ ảnh hưởng của khu vực FDI ngày càng được thể hiện rõ nét. Xét về ổn định vĩ mô, với mức tăng CPI năm 2018 ở mức 3,54%, có thể nhận thấy trong 5 năm gần đây tốc độ tăng của chỉ số CPI luôn thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP, điều đó cho thấy những chính sách về ưu tiên ổn định vĩ mô của chính phủ đã được phát huy tác dụng tốt trong thời kỳ này. Nhân tố tác động chủ yếu đến lạm phát năm 2018 là thực phẩm và xăng dầu: giá thực phẩm tăng 6,67% so với đầu năm (đóng góp 1,51 điểm%); nhóm giao thông tăng 7,3% so với đầu năm (đóng góp 0,68 điểm%).

3.1.3. Phân tích SWOT

3.1.3.1. Điểm mạnh

- **Kinh nghiệm và uy tín trong ngành:** An Tiến Industries có 10 năm kinh nghiệm sản xuất và phân phối hạt nhựa và hạt nhựa phụ gia trong và ngoài nước. HII có kinh nghiệm xuất khẩu sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn của những thị trường khó tính nhất như Nhật Bản, châu Âu, ... Mạng lưới khách hàng và đối tác trung thành của An Tiến Industries từ khắp nơi trên thế giới.

- **Giá trị gia tăng từ chuỗi sản xuất kinh doanh khép kín theo mô hình tập đoàn:** Là thành viên của tập đoàn An Phát Holdings, HII được hỗ trợ từ hệ sinh thái doanh nghiệp khép kín của tập đoàn: nguồn nguyên vật liệu đầu vào với giá cả cạnh tranh, dịch vụ vận tải, logistics, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, tin cậy. Điều này đảm bảo giúp HII có thể cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ trọn gói với chất lượng và giá thành hiệu quả, gia tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

- **Văn hóa doanh nghiệp sâu sắc:** Nền tảng văn hóa doanh nghiệp được kế thừa và phát huy từ tập đoàn An Phát. Các chuẩn mực ứng xử 9G, 9T, tư duy sản xuất 5S, văn hóa claim, văn hóa chào hỏi, đúng giờ... đã đang được CBCNV của Công ty thực hiện nghiêm túc, tiếp tục phát huy bộ gen người An Phát trong sản xuất và kinh doanh.

3.1.3.2. Điểm yếu

- **Hệ thống quản trị rủi ro đang hoàn thiện:** Với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của doanh nghiệp, đồng thời trong bối cảnh độ mở của nền kinh tế càng lớn, HII nói riêng và các doanh nghiệp Việt Nam nói chung càng dễ bị tác động bởi các ảnh hưởng từ kinh tế chính trị toàn cầu. Như vậy việc xây dựng chiến lược, mô hình và chính sách quản trị rủi ro để phòng ngừa và kịp thời phản ứng với biến động được xác định là một trong những trọng tâm của doanh nghiệp. HII hiện đang trong quá trình hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro, hệ thống khung chính sách quản trị rủi ro và các công cụ đo lường, quản lý rủi ro hướng đến các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- **Phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu:** Trong quá trình sản xuất hạt nhựa phụ gia của HII, hạt nhựa vẫn chiếm từ 70% - 80% chi phí sản xuất. Do ngành lọc hóa dầu trong nước chưa đủ năng lực cung cấp hạt nhựa PE, PP cho nhu cầu tiêu thụ của ngành nhựa, hiện khoảng 80% hạt nhựa vẫn đang phải nhập khẩu. Trong bối cảnh đó, HII cũng đang phải phụ thuộc vào nguồn hạt nhựa nhập khẩu. Trong những năm qua, HII đã nỗ lực đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu từ nhiều khu vực trên thế giới như Trung Đông, Mỹ..., tuy nhiên việc phải nhập khẩu nguyên vật liệu cũng làm gia tăng rủi ro tỷ giá, đồng thời làm giảm sức cạnh tranh của HII trên thị trường.

3.1.3.3. Cơ hội

Trong những năm gần đây, nhựa là một trong những ngành công nghiệp có mức tăng trưởng cao với tỷ lệ từ 16-18%/năm, chỉ đứng sau ngành viễn thông và dệt may, trong đó, ngành bao bì nhựa là phân khúc lớn nhất chiếm 26% tổng sản lượng nhựa. Theo thông tin từ Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA) trong năm 2018, tổng giá trị xuất khẩu ngành nhựa Việt Nam đạt trên 3,04 tỷ USD, tăng 19,5% so với năm 2017. Hiện nay ngành nhựa vẫn được đánh giá là một trong những ngành có sự tăng trưởng cao so với các ngành khác khi đạt bình quân từ 14-15%/năm và giá trị xuất khẩu cũng tăng trưởng 12-14%/năm.

Theo dự báo, trong năm 2019, ngành nhựa sẽ tiếp tục tăng trưởng khoảng 12-15%. Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 1/2019, xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam đạt 280 triệu USD, tăng 4,4% so với tháng 12/2018 và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2018. Dự địa phát triển ngành nhựa còn rất cao. Kim ngạch xuất khẩu sang những thị trường chủ lực như Nhật Bản, Mỹ... tiếp tục tăng mạnh (Nhật Bản hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với tỉ trọng 26%, kế đến là Mỹ với 11%). Ngành nhựa tăng trưởng mạnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu nhựa. Hiện tổng sản lượng sản xuất hạt nhựa phụ gia trong nước chưa đến 1 triệu tấn/năm, chỉ đáp ứng 20% nhu cầu trong nước còn rất nhỏ so với nhu cầu 33 triệu tấn của thế giới. Do đó, lĩnh vực sản xuất nguyên liệu nhựa vẫn là thị trường tiềm năng trong năm 2019..

3.1.3.4. Thách thức

- **Môi trường kinh doanh cạnh tranh:** Ngành bao bì nhựa chịu nhiều áp lực về cạnh tranh, đặc biệt về giá giữa các nhà sản xuất. Trong bối cảnh lợi thế về chi phí sản xuất càng ngày càng được thu hẹp giữa các quốc gia khi chi phí nhân công, điện nước dự báo tăng trưởng hàng năm An Phát cần tiếp tục tìm ra những lợi thế cạnh tranh mới trên thị trường.

- **Biến động giá nguyên vật liệu:** Diễn biến giá dầu khó dự báo đặt ra những thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp để duy trì mức biên lợi nhuận ổn định. Công ty đã duy trì chính sách bán hàng linh hoạt, hạn chế dự trữ đầu cơ nguyên vật liệu để để chuyển rủi ro giá nguyên vật liệu

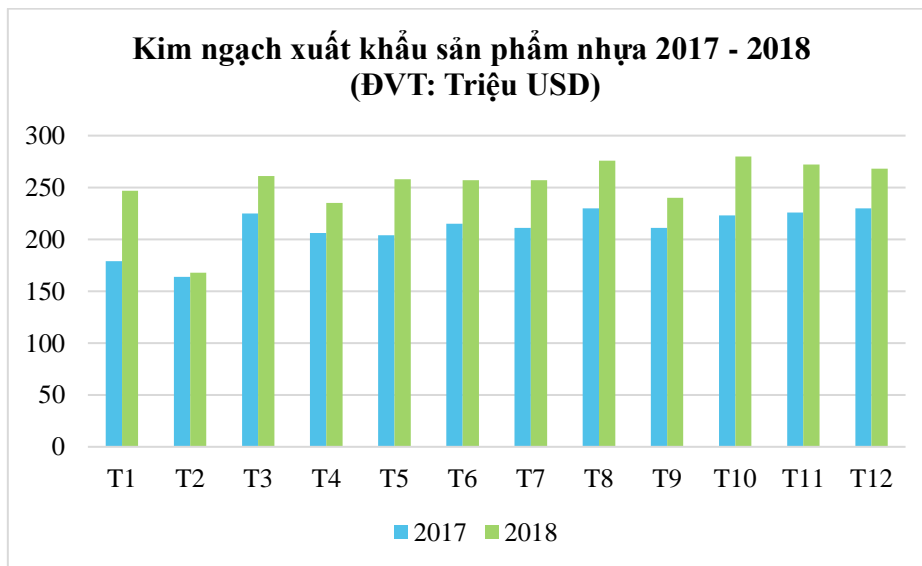
sang khách hàng, tuy nhiên An Phát vẫn cần tìm nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng cao với và giá cả cạnh tranh hơn.

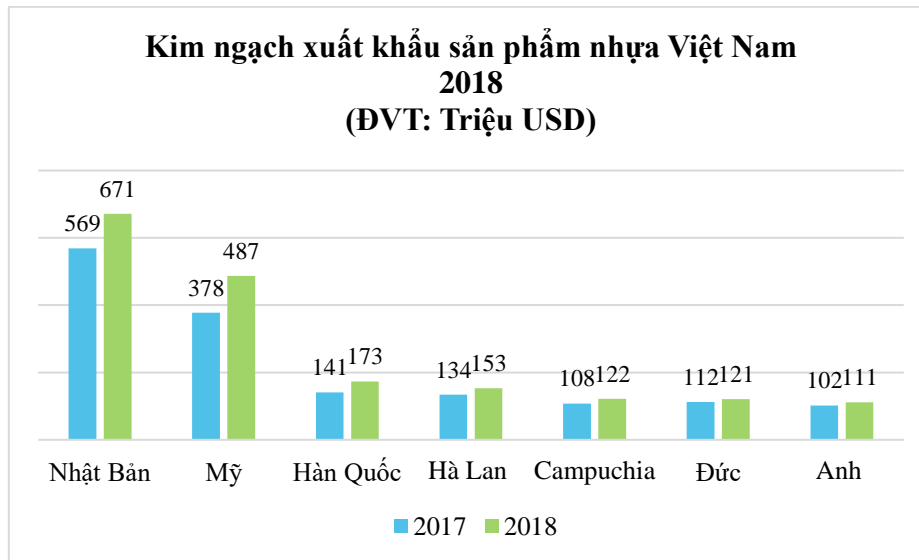
3.2. Thông tin thị trường ngành

3.2.1. Toàn cảnh năm 2018

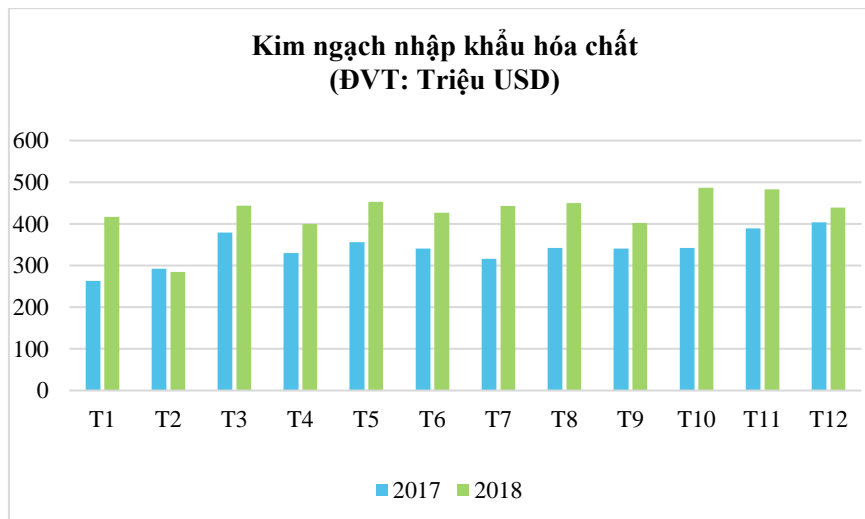
Kinh tế thế giới trong năm 2018 chứng kiến hàng loạt biến động mang tính lịch sử, từ sự bùng nổ của chủ nghĩa bảo hộ và xung đột thương mại giữa các nền kinh tế chủ chốt, đến sự chao đảo của thị trường hàng hóa, chứng khoán, tiền tệ và những diễn biến kinh tế - chính trị phức tạp ở nhiều quốc gia và khu vực, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường ngành Nhựa nói chung và lĩnh vực nhựa nguyên liệu nói riêng.

Năm 2018, xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam thành công so với năm 2017. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa Việt Nam trong năm 2018 tăng 19,5% so với năm trước, đạt 3,04 tỷ USD. Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 1/2019, xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam đạt 280 triệu USD, tăng 4,4% so với tháng 12/2018 và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm 2018, xuất khẩu sản phẩm nhựa có nhiều cơ hội lớn do sức tiêu thụ của người dân thế giới tăng cao và người tiêu dùng Châu Âu ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa của nước ta. Ngoài ra, doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa tăng cường mở rộng thị phần xuất khẩu sang thị trường châu Âu nhờ được hưởng lợi kép về giá thành và ưu đãi mức thuế nhập khẩu.





Bên cạnh những dấu hiệu tích cực, thị trường Nhựa Việt Nam vẫn đang đối mặt với những thách thức lớn từ nguồn nguyên liệu đầu vào. Ngành nhựa hiện nay mới chỉ chủ động được khoảng 20-25% nguyên liệu cũng như hóa chất phụ gia đầu vào, còn lại phải nhập khẩu. Điều này khiến hoạt động sản xuất của ngành bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu và các bán sản phẩm từ nước ngoài. Đồng thời, việc không chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào sẽ khiến doanh nghiệp xuất khẩu khó tận dụng được ưu đãi thuế do quy định liên quan đến xuất xứ hàng hóa. Năm 2018, nhập khẩu hóa chất đạt 5,16 tỷ USD, tăng 25,3% so với năm 2017. Trung Quốc tiếp tục là thị trường chủ yếu cung cấp hóa chất cho Việt Nam với tỷ trọng 30,8% tổng kim ngạch nhập khẩu hóa chất của Việt Nam.



Năm 2019 là một năm kỳ vọng về sự phát triển mạnh mẽ khi ngành nhựa đang đứng trước cơ hội tăng trưởng cao sau khi EU dự định giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu nhựa trong lộ trình hiệp định EVFTA, tạo điều kiện cho việc xuất khẩu các sản phẩm nhựa. Hiện nay, Trung Quốc đang có xu hướng dịch chuyển sản xuất nhựa sang Việt Nam để tránh các chính sách bảo vệ môi trường nội địa cũng như chiến tranh thương mại. Do đó, trong năm 2019 và những năm tiếp theo, số lượng các doanh

ngành sản xuất sản phẩm nhựa trong nước sẽ tăng lên mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu nhựa. Hiện tổng sản lượng sản xuất hạt nhựa phụ gia trong nước chưa đến 1 triệu tấn/năm, chỉ đáp ứng 20% nhu cầu trong nước còn rất nhỏ so với nhu cầu 33 triệu tấn của thế giới. Do đó, lĩnh vực sản xuất nguyên liệu nhựa vẫn là thị trường tiềm năng trong năm 2019.

3.3. Báo cáo của HĐQT

3.3.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất 2018

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ đạt kế hoạch năm 2018	Tăng trưởng 2018/2017
Doanh thu (tỷ đồng)	3.000	4.874	62%	265%
LNST (tỷ đồng)	130	45,2	35%	(27) %

Năm 2018, Doanh thu ròng hợp nhất 2018 đạt 4.874 tỷ, vượt 62% so với kế hoạch và tăng trưởng 265% so với cùng kỳ 2017. Trong đó:

- Doanh thu từ hoạt động thương mại hạt nhựa đạt 4.285 tỷ đồng, chiếm 87,86% tổng doanh thu thuần, tăng 331,81% so với năm 2017, doanh thu từ hoạt động thương mại tăng trưởng mạnh đến từ việc mở rộng nhanh chóng của công ty thành viên – CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành – công ty con của HII, hiện Công ty CP sản xuất tổng hợp An Thành đã trở thành doanh nghiệp sở hữu mạng lưới phân phối lớn thứ 2 nguyên vật liệu ngành nhựa Việt Nam
- Doanh thu từ mảng sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu ngành nhựa (hạt Calbest và bột đá) đạt 469,27 tỷ đồng trong năm 2018, chiếm 9,62% tổng doanh thu thuần Công ty, tăng 68,19% so với năm 2017

Năm 2018, doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 507,41 tỷ đồng, giảm 7,64% so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2018 giảm so với năm 2017 là do trong năm 2018, Công ty chủ yếu tập trung vào mảng sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu ngành nhựa và chuyển mảng thương mại hạt nhựa sang cho Công ty con là CTCP sản xuất tổng hợp An Thành. Trong đó:

- Doanh thu từ hoạt động thương mại hạt nhựa đạt 38,14 tỷ đồng, chiếm 7,52%, giảm 85,85% so với năm 2017
- Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu ngành nhựa (hạt Calbest và bột đá) đạt 469,28 tỷ đồng, chiếm 92,48%, tăng 67,70% so với năm 2017.

Nhìn chung, sản lượng và doanh thu tăng trưởng vượt bậc được đóng góp bởi các yếu tố sau:

- Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường với việc nâng công suất hoạt động của hai Nhà máy sản xuất hạt Calbest và bột đá;
- Hoạt động thương mại được tăng cường, chiếm lĩnh thị trường, hệ thống phân phối triển khai đồng bộ cả trong và ngoài nước, quy mô thương mại lọt Top các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam

Năm 2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 45 tỷ đồng, giảm 26,23% so với năm 2017, và chỉ đạt 34,62% kế hoạch đặt ra. Sản lượng xuất và doanh thu tăng cao, tuy nhiên, lợi nhuận 2018 giảm so với 2017 và chưa đạt kế hoạch kinh doanh do một số nguyên nhân sau:

- Giá nguyên vật liệu và hàng hóa tăng cao, kéo theo giá vốn tăng, biên lợi nhuận giảm. Giá vốn hàng bán năm 2018 là 4.662 tỷ đồng, tăng 3.461 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 288,17% so với năm 2017, biên lợi nhuận gộp năm 2018 là 4,41% so với mức 9,82% năm 2017.
- Biến động tỷ giá USD/VND trong năm cũng làm giảm lợi nhuận công ty khi làm gia tăng chi phí trong năm. Chi phí tài chính chủ yếu gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái, chi phí tài chính năm 2018 là 57,48 tỷ đồng, tăng 46,76 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 436,32% so với năm 2017.
- Trong năm, Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng và tăng cường công tác quản trị kéo theo chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng cao. Cụ thể: chi phí bán hàng năm 2018 là 78,71 tỷ đồng, tăng 142,01% so với năm 2017; chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 là 42,62 tỷ đồng, tăng 195,11% so với năm 2017.

3.3.2. Tình hình tăng vốn và hoạt động đầu tư

- Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu cho công chúng: Quý II/2018, HII phát hành thành công 13.600.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thu về 190.400.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn là tăng vốn góp của HII tại CTCP sản xuất tổng hợp An Thành và CTCP Liên vận An Tín để bổ sung vốn lưu động. Trong năm, HII đã góp thêm 59,4 tỷ đồng vào CTCP sản xuất tổng hợp An Thành, nâng tỷ lệ sở hữu tại ATT từ 51% lên 69,25%, đồng thời, HĐQT đã thống nhất điều chỉnh phương án sử dụng vốn, toàn bộ số vốn chưa góp vào CTCP sản xuất tổng hợp An thành và CTCP Liên vận An Tín thì sẽ được điều chỉnh sang mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của HII.
- Tăng vốn theo chương trình cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV (ESOP): Để tạo động lực cho cán bộ công nhân viên trong quá trình công tác, đồng thời tạo sự gắn bó giữa trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ công nhân viên với quá trình phát triển của Công ty; tạo nguồn lực cho Công ty nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và phát triển trong dài hạn từ đó gia tăng giá trị cho cổ đông, trong năm Công ty đã phát hành thành công 650.000 cổ phiếu ESOP cho cán bộ công nhân viên,

thu về 6.500.000.000 đồng bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.3.3. Báo cáo về hoạt động của BDH

Năm 2018, HĐQT HII tiếp tục sát cánh với BDH trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát, đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh. Trong năm qua, BDH đã có nhiều nỗ lực trong công tác điều hành, trực tiếp triển khai thực hiện quyết liệt và nghiêm túc các định hướng chiến lược của ĐHĐCĐ và các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế quy định, các nguyên tắc hoạt động trong công tác quản lý tài chính, quản lý dự án, đầu tư, bán hàng, chi phí, tổ chức nhân sự..... Trong năm 2018, BDH đã có sự đóng góp quan trọng và quyết định trong kết quả kinh doanh và tăng trưởng cao của Công ty. Tuy nhiên trong bối cảnh mới nhiều thách thức của năm 2019 và trước những yêu cầu phát triển mới hết sức nặng nề, BDH vẫn cần phải bổ sung tăng cường nhân lực chất lượng, hoàn thiện và nâng cao khả năng chuyên môn, chủ động sáng tạo và tăng cường sâu sát thị trường, cải thiện hơn nữa hiệu quả, tiến độ, năng suất lao động trong công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, tiếp tục duy trì phát huy những mặt được của năm 2018, quyết tâm và nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện tốt các chiến lược, mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ, HĐQT giao phó.

3.3.4. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Các mục tiêu trong năm 2019

- Đầu tư cho công tác Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm, đầu tư công nghệ hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất, tập trung sản xuất các loại compound chất lượng cao cho nhà máy nhựa kỹ thuật của Tập đoàn, và đặc biệt là compound bio cho sản xuất các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường.
- Hợp tác sâu rộng với các đơn vị lớn trong ngành vừa sở hữu nhiều mỏ cũng như hệ thống nhà xưởng hiện đại, tăng cường đảm bảo về chất lượng của nguồn nguyên liệu đầu vào.
- Tiếp tục cải thiện hệ thống quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ thông qua các hoạt động giám sát tuân thủ đối với các phòng ban, nhà máy nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả. Đánh giá và triển khai các đề xuất của các phòng ban, bộ phận, nhà máy và trung tâm R&D trong công tác cải tiến sản xuất, tăng hiệu quả nguồn lực. Luôn chú trọng công tác kiểm soát hệ thống nhằm tạo ra sự đồng bộ và tính hiệu quả của sự kết hợp công tác giữa các bộ phận. Định kỳ tổ chức đào tạo cán bộ về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm công tác cũng như các kiến thức kỹ thuật, quản lý, các kỹ năng trong công việc để tạo dựng đội ngũ cán bộ ngày càng vững chắc, đảm bảo đủ năng lực để tạo ra sự phát triển cho công ty.

- Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho năm 2019 phù hợp với diễn biến thực tế của Công ty, của nền kinh tế và tập trung nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
2	Tổng doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	3.000
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	70
4	Dự kiến cổ tức	10-20%

3.3. Báo cáo đánh giá của Ban TGD

3.3.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Một số chỉ tiêu hoạt động năm 2018 của Công ty mẹ theo báo cáo tài chính riêng:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2018 so với 2017
1	Tổng tài sản	605.916.636.773	813.417.092.038	134,25%
2	Vốn chủ sở hữu	188.989.505.437	400.296.907.513	211,81%
3	Doanh thu thuần	549.248.507.796	506.866.001.790	92,28%
4	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	89.420.584.536	96.923.052.366	108,39%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53.607.890.219	39.625.176.508	73,92%
6	Lợi nhuận sau thuế	42.836.247.773	32.572.126.853	76,04%

Một số chỉ tiêu hoạt động năm 2018 hợp nhất theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2018 so với 2017
1	Tổng tài sản	1.079.102.012.979	2.281.235.715.377	211,40%
2	Vốn chủ sở hữu	306.324.791.089	604.511.679.830	197,34%
3	Doanh thu thuần	1.330.750.455.348	4.874.135.850.118	366,27%
4	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	129.682.475.916	211.967.404.739	163,45%

5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	76.951.870.853	55.195.063.907	71,73%
6	Lợi nhuận sau thuế	61.575.642.850	45.218.405.656	73,44%

Về quy mô, năm 2018 tổng tài sản hợp nhất HII đạt 2.281 tỷ đồng, tăng 111,40% so với năm 2017, vốn chủ sở hữu Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt 604 tỷ đồng, tăng 97,34% so với năm 2017. Trong năm, HII tiếp tục đầu tư 59,4 tỷ đồng vào CTCP sản xuất tổng hợp An Thành nâng tỷ lệ sở hữu lên 69,26%, thông qua CTCP sản xuất tổng hợp An Thành đẩy mạnh hoạt động thương mại hạt nhựa.

Về kết quả kinh doanh, năm 2018 doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 506,87 tỷ đồng, giảm 7,72% so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 32,57 tỷ đồng, giảm 23,96% so với năm 2017. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.874 tỷ đồng, tăng 266,27% so với năm 2017, đạt 162,47% kế hoạch đặt ra, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 45,22 tỷ đồng, giảm 26,56% so với năm 2017, đạt 34,78% so với kế hoạch đặt ra. Doanh thu Công ty mẹ năm 2018 giảm so với năm 2017 là do Công ty đẩy mạnh hoạt động thương mại sang cho Công ty con là CTCP tổng hợp An Thành thực hiện, nên doanh thu hoạt động thương mại hàng hóa công ty mẹ giảm, hoạt động sản xuất Công ty trong năm vẫn khá ổn định và tăng trưởng, doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm do Công ty sản xuất gồm Calbest và bột đá tăng 67,70% so với năm 2017. Doanh thu hợp nhất năm 2018 tăng trưởng mạnh và vượt kế hoạch đặt ra chủ yếu của việc mở rộng mảng hoạt động thương mại hạt nhựa. Tuy nhiên do hoạt động thương mại hạt nhựa có biên lợi nhuận thấp được đẩy mạnh trong thời gian qua để xây dựng thị trường cho hợp đồng bao tiêu hạt nhựa đã khiến kết quả kinh doanh của HII bị sụt giảm. Khi hợp đồng bao tiêu được kí kết, nguồn hạt nhựa cung cấp bởi nhà sản xuất hạt nhựa trong nước sẽ giúp Tập đoàn nói chung và HII nói riêng hạn chế được rủi ro tỷ giá, thị trường và hưởng mức biên lợi nhuận được duy trì ổn định. Do sản lượng bao tiêu lớn, Tập đoàn nói chung và HII nói riêng phải chấp nhận rủi ro trong ngắn hạn để xây dựng mạng lưới khách hàng ổn định và rộng khắp thị trường.

3.3.1.1. Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1,02	1,09
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,87
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,74	0,72
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,77	2,52
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng/năm	15,79	16,63
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng/năm	22,86	15,03
Vòng quay khoản phải trả	Vòng/năm	10,66	11,62
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
LNST/DT thuần	%	0,93%	4,63%
ROE	%	9,93%	29,04%
ROA	%	2,69%	8,51%

- *Nhóm các chỉ số thanh toán:* hệ số khả năng thanh toán hiện thời và hệ số thanh toán nhanh có xu hướng giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đảm bảo khả năng thanh toán.
- *Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn:* tỉ lệ nợ/tổng tài sản không thay đổi quá nhiều qua các năm, và nợ/vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng nhẹ qua các năm, cho thấy, Công ty đang cố gắng tận dụng đòn bẩy tài chính để mang lại
- *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:* vòng quay các khoản phải thu và hàng tồn kho có xu hướng tăng dần qua các năm cho thấy công ty sử dụng tài sản ngày càng hiệu quả.
- *Nhóm các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:* như đã nói trước đó, năm 2018 là năm mà công ty đẩy mạnh chính sách giữ ổn định giá bán để tăng công suất hoạt động của các nhà máy và triển khai kế hoạch thiết lập mạng lưới khách hàng đa dạng tạo tăng thị trường tiêu thụ trong

năm 2019, dẫn tới lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra, dẫn tới các chỉ số về khả năng sinh lời cũng giảm nhẹ so với năm 2017.

3.3.2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo sản xuất

- BĐH đã triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết tuần, tháng, quý cho các Nhà máy, từng Phòng ban, theo dõi sát việc thực hiện các chỉ tiêu, xử lý kịp thời những phát sinh, khó khăn, vướng mắc để tăng hiệu quả, giảm chi phí. Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường duy trì được ổn định và phát triển. Hàng tuần đều có các cuộc họp giao ban đánh giá chỉ tiêu của Ban giám đốc Công ty.
- BĐH kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp kiểm soát về tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì bảo dưỡng, chi phí giá thành đã đặt ra từ đầu năm mang lại nhiều kết quả khả quan.
- BĐH tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho. Tăng cường công tác thu hồi công nợ nhằm giảm thiểu nợ kéo dài và tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Theo dõi sát tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các thị trường, các khách hàng của Công ty, để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Công tác quản trị tài chính

- Công ty luôn thực hiện minh bạch trong các hoạt động tài chính, đầu tư, mua bán cũng như nhập nguyên liệu, xuất khẩu sản phẩm. BĐH đã rất nỗ lực trong việc chỉ đạo xây dựng các dự án của Công ty, đặc biệt là tìm kiếm các đối tác, nhà thầu đủ uy tín, năng lực và giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng đảm bảo thi công công trình đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và tiết kiệm ngân sách Công ty.
- BĐH và Phòng Kế toán - Tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và sự giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát. Hoạt động tài chính Công ty được cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán ghi nhận những chỉ số về doanh thu, lợi nhuận, lưu chuyển tiền tệ của Công ty.
- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí đối với cơ quan Nhà nước
- Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh được mở rộng, trong năm 2018 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của doanh nghiệp và gia tăng sức ảnh hưởng của thương hiệu trên

thị trường. Năm 2018 HII ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới, đồng nhất với bộ nhận diện thương hiệu của tập đoàn An Phát Holdings. Bộ nhận diện thương hiệu mới được phát triển với mong muốn truyền tải bước chuyển mình của doanh nghiệp, tinh thần và khát vọng của con người An Phát trong giai đoạn mới, nâng tầm giá trị thương hiệu, khẳng định vị thế tiên phong trong ngành nhựa Việt Nam. Một bước tiến nữa trong việc chuyên nghiệp hóa thương hiệu doanh nghiệp đó là HII đã tiến hành đăng ký và công bố sở hữu trí tuệ đối với các thương hiệu

3.3.3. Nhân sự và thay đổi các chính sách về nhân sự

Năm 2018, tổng số nhân sự của HII và 03 công ty con là 442 người, trong đó nhân sự của riêng HII là 213 người. Với phương châm con người là cốt lõi của sự phát triển, HII đã nỗ lực không ngừng để xây dựng gia đình An Phát với những người con mang bộ gen An Phát, không chỉ phù hợp về năng lực chuyên môn mà còn hòa hợp trong tư duy, văn hóa doanh nghiệp.

Bởi lẽ đó đội ngũ CBCNV của An Phát đã ngày càng lớn mạnh, sáng tạo, hoàn thiện chuyên môn, kỹ năng, làm chủ công nghệ.

Trong năm 2018, dưới sự chỉ đạo của BĐH, các hoạt động về nhân sự được triển khai trên những mảng tiêu biểu như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát huy các chính sách tốt về lương thưởng, chế độ đãi ngộ, phúc lợi với CBCNV
- Rà soát, đánh giá và thực hiện cải tiến trong hoạt động quản trị nhân sự,
- Xây dựng khung năng lực cán bộ, xây dựng bộ chỉ tiêu KPI theo từng vị trí, thực hiện đánh giá minh bạch, công khai hiệu quả công việc của CBCNV
- Xây dựng hình ảnh nhà tuyển dụng chuyên nghiệp, chú trọng công tác tuyển dụng đảm bảo cả về chất và lượng
- Xây dựng các chương trình nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo với tầm nhìn hoạch định nhân sự cốt lõi cho giai đoạn 2019-2024
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng khối đoàn kết gắn bó CBCNV
- Tiếp tục bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp sâu rộng trong đời sống của CBCNV (Chi tiết về các hoạt động nhân sự, vui lòng xem Phát triển nguồn nhân lực)

4. Quản trị công ty

4.1. Thông tin cổ phiếu và hoạt động IR

4.1.1. Thông tin cổ phiếu

- Vốn điều lệ: 278.500.000.000 đồng

- Mã cổ phiếu: HII
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 27.850.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần niêm yết: 27.850.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 27.240.175 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 609.825 cổ phần.
- Giá trị vốn hóa thị trường (tại ngày 28/12/2018): 401.040.000.000 đồng
- **Thống kê khối lượng giao dịch năm 2018:**
 - Tổng số phiên giao dịch: 248 phiên.
 - Tổng khối lượng khớp lệnh: 38.986.430 cổ phiếu

Giá cổ phiếu giao dịch (*)	Ngày	Giá (VND/CP)	Khối lượng CP giao dịch	Ngày	Khối lượng (CP)
<i>Đóng cửa</i>	28/12/2018	14.400	<i>Đóng cửa</i>	28/12/2018	132.670
<i>Cao</i>	11/01/2018	24.130	<i>Cao</i>	04/04/2018	580.840
<i>Thấp</i>	30/10/2018	14.150	<i>Thấp</i>	06/04/2018	1.720
<i>Giá bình quân (**)</i>		17.228	<i>Giao dịch trung bình mỗi ngày</i>		157.203

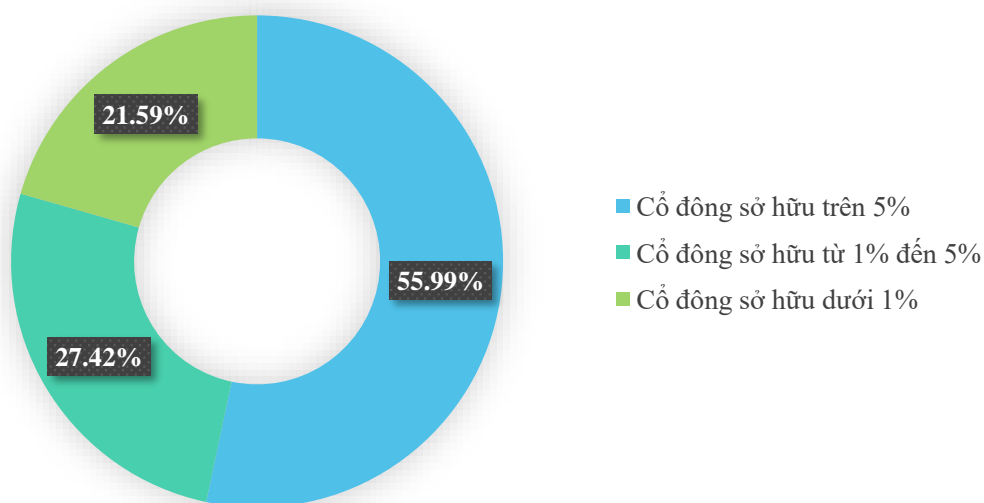
(*): Tính theo giá cổ phiếu điều chỉnh: Trong năm 2018, HII đã phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu ESOP tăng vốn điều lệ, dẫn tới thị giá bị pha loãng.

(**): Tính bằng phương pháp bình quân gia quyền giá cổ phiếu, với trọng số là khối lượng giao dịch theo từng phiên.

4.1.2. Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/01/2019)

Cơ cấu cổ đông

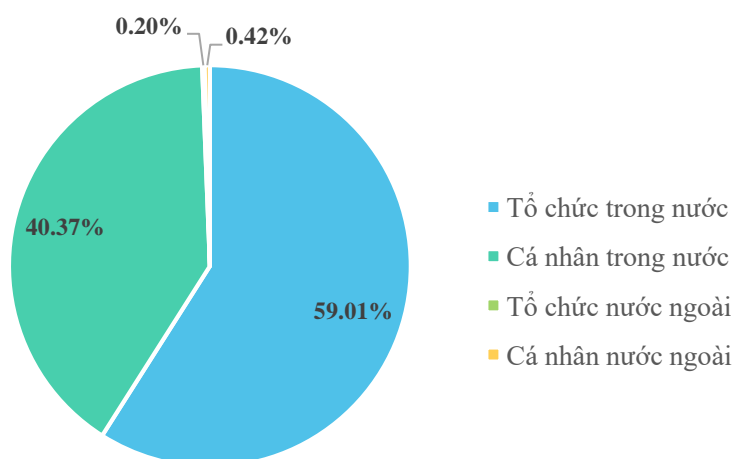


Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông sở hữu trên 5%	14.200.000	50,99%	-	-	14.200.000	50,99%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	7.636.720	27,42%	-	-	7.636.720	27,42%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	5.839.809	20,97%	173.471	0,62%	6.013.280	21,59%
Tổng cộng	27.676.529	99,38%	173.471	0,62%	27.850.000	100%

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông nội bộ	1.079.080	3,87%	-	-	1.079.080	3,87%
Các cổ đông khác	26.597.449	95,50%	173.471	0,62%	26.770.920	96,13%

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Tổ chức	16.434.110	59,01%	55.371	0,20%	16.489.481	59,21%
Cá nhân	11.242.419	40,37%	118.100	0,42%	11.360.519	40,79%
Tổng cộng	27.676.529	99,38%	173.471	0,62%	27.850.000	100%
Tổng cộng	27.676.529	99,38%	173.471	0,62%	27.850.000	100%

Cơ cấu cổ đông



4.1.3. Thông tin cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	14.200.000	50,99%

4.1.4. Sở hữu của cổ đông nội bộ

Đối tượng	Họ và tên – Chức vụ	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
HĐQT	Đình Xuân Cường - Chủ tịch HĐQT	79.080	0,28
	Phạm Ánh Dương - Ủy viên HĐQT	1.000.000	3,59
	Vũ Thành Bình Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0
	Phạm Đỗ Huy Cường - Ủy viên HĐQT	0	0
	Nguyễn Hữu Long - Ủy viên HĐQT	0	0
BDH	Vũ Thanh Bình - Tổng Giám đốc	0	0
	Đoàn Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh	0	0
	Nguyễn Thị Thu Nhân – Kế toán trưởng	200.000	0,00
BKS	Nguyễn Thị Hương – Trưởng BKS	0	0
	Đặng Thị Xuê – Thành viên BKS	0	0
	Hoàng Phương Hằng – Thành viên BKS	0	0

4.1.5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty đã phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên để tăng vốn điều lệ, kết quả phát hành như sau:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 136.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 278.500.000.000 đồng

4.1.6. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2018 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

4.1.7. Chứng khoán khác: Không có.

4.1.8. Công bố thông tin và hoạt động IR

HII luôn đảm bảo tính trung thực, minh bạch và thống nhất trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan, bảo đảm tất cả các cổ đông được đối xử bình đẳng, bất kể là cổ đông nhỏ lẻ hay tổ chức, trong nước hay nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty được cập nhật kịp thời và chính xác thông qua website www.antienindustries.com, mục Quan hệ cổ đông/Quan hệ nhà đầu tư và báo cáo đầy đủ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Các hoạt động đã triển khai trong năm:

- Định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ bộ phận phân tích các công ty chứng khoán trên thị trường để cập nhật tình hình kinh doanh, định hướng của doanh nghiệp và trực tiếp giải đáp những câu hỏi của các đội ngũ phân tích.
- Kịp thời trả lời các câu hỏi, cung cấp số liệu về công ty cho các bên quan tâm như đội ngũ phân tích, các nhà đầu tư nước ngoài, các cổ đông trong và ngoài nước,...
- Xây dựng các Bản tin Nhà đầu tư hàng quý cập nhật về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, ... đăng tải tại website www.antienindustries.com và gửi tới các cổ đông và nhà đầu tư qua email.
- Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư tiếp nhận những ý kiến, đóng góp của Nhà đầu tư và cổ đông qua email, điện thoại và kịp thời giải đáp những câu hỏi, quan tâm của Nhà đầu tư và Cổ đông dành cho Công ty.

4.2. Hoạt động của ĐHĐCĐ

4.2.1. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông “ĐHĐCĐ” là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên HĐQT, BKS và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2.2. Hoạt động của ĐHĐCĐ trong năm 2018

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức 02 cuộc họp ĐHĐCĐ để xin ý kiến cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Các trình tự, thủ tục thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho các cổ đông.

Lịch trình triển khai tổ chức ĐHĐCĐ trong năm 2018

STT	Nội dung	ĐHĐCĐ thường niên	ĐHĐCĐ bất thường
1	Công bố thông tin về ngày chốt danh sách để tham dự Đại hội	- Ngày công bố thông tin: 20/12/2017 - Ngày đăng ký cuối cùng: 19/01/2018	- Ngày công bố thông tin: 15/08/2019 - Ngày đăng ký cuối cùng: 05/09/2018
2	Ngày gửi thư mời cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm	- Ngày gửi thư mời: 29/01/2018	- Ngày gửi thư mời: 15/09/2018
3	Tài liệu ĐHĐCĐ công bố thông tin trong 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 29/01/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 29/01/2018	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 15/09/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 15/09/2018
4	Ngày tổ chức Đại hội	Ngày 12/02/2018	Ngày 26/09/2018
5	Biên bản-Nghị quyết	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 12/02/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 12/02/2018	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 26/09/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 26/09/2018

Nội dung ĐHĐCĐ năm 2018 đã thông qua:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	1202/2018/NQ-ĐHĐ	12/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và Phương hướng hoạt động năm 2018 của HĐQT Công ty Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và Phương hướng hoạt động năm 2018 của BDH Công ty

			<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017, Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018, Báo cáo tự đánh giá của BKS, Kiểm soát viên của BKS • Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 • Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2018 • Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và phương án dự kiến chi trả cổ tức năm 2018. • Thông qua việc duyệt chi các Quỹ được trích lập từ lợi nhuận năm 2016 sử dụng trong năm 2017 theo đề trình của HĐQT. • Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. • Thông qua việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật. • Thông qua việc cho phép CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nâng tỷ lệ sở hữu lên 51% mà không cần thực hiện thủ tục chào mua công khai • Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT. • Thông qua việc sửa đổi Điều lệ • Thông qua quy chế quản trị nội bộ Công ty. • Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
--	--	--	---

2	092602/2018/NQ - ĐHCD	26/09/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc đổi tên giao dịch Công ty từ CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái thành CTCP An Tiến Industries • Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT
---	--------------------------	------------	---

4.3. Hoạt động của HĐQT

4.3.1. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra và là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ.

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, trong năm 2018 HĐQT HII đã giám sát, chỉ đạo các công việc thuộc thẩm quyền trong các lĩnh vực, cụ thể:

- Chỉ đạo công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch kinh doanh và chiến lược kinh doanh của Công ty
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ
- Đưa ra định hướng, chỉ đạo giải quyết các công việc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Quản trị doanh nghiệp và công tác nhân sự cấp cao của Công ty
- Giám sát thường xuyên đối với hoạt động của BĐH cũng như các bộ phận hỗ trợ, đảm bảo sự điều hành của BĐH phù hợp với các quy định và chính sách của công ty.

4.3.2. Cơ cấu tổ chức của HĐQT

HĐQT của Công ty gồm 5 thành viên trong đó có 1 thành viên HĐQT không điều hành và 3 thành viên độc lập HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và theo đúng quy định hiện hành cũng như thông lệ quốc tế.

Danh sách HĐQT tại ngày 31/12/2018 gồm các thành viên sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	TV HĐQT	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác
1	Đình Xuân Cường	Chủ tịch HĐQT	Độc lập	02 Công ty, cụ thể:

				<ul style="list-style-type: none"> 03/2017 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings 02/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
2	Phạm Ánh Dương	Ủy viên HĐQT	Độc lập	02 Công ty, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> 03/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings 03/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
3	Nguyễn Hữu Long	Ủy viên HĐQT	Không điều hành	03 Công ty, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> 03/2017 – đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings 07/2017 – đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành 07/2017 – đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh
4	Vũ Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Điều hành	Hiện không nắm giữ chức danh thuộc HĐQT của công ty khác
5	Phạm Đỗ Huy Cường	Ủy viên HĐQT	Độc lập	01 Công ty, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - 07/2017 – đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

4.3.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2018

4.3.3.1. Tổ chức họp định kỳ và bất thường nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng phát triển của HII

Trong năm 2018, HĐQT tiến hành 17 cuộc họp HĐQT với tỷ lệ dự họp là 100%, ban hành 16 nghị quyết, quyết định nhằm triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 chủ yếu là các vấn đề quan trọng phục vụ kịp thời công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và công tác tài chính, chi phí.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100%, cụ thể như sau:

Tỷ lệ tham dự họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Vũ Thanh Bình	Thành viên kiêm Tổng giám đốc (Thành viên HĐQT điều hành)	20/07/2015	17	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Long	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	12/02/2018	15	100%	Bổ nhiệm từ ngày 12/02/2018
3	Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Ủy viên HĐQT	28/02/2017	15	100%	Miễn nhiệm ngày 26/09/2018
4	Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	28/02/2017	15	100%	Miễn nhiệm ngày 26/09/2018
5	Ông Lê Đức Tú	Ủy viên HĐQT	28/02/2017	15	100%	Miễn nhiệm ngày 26/09/2018
6	Trần Thị Thoản	Ủy viên HĐQT	28/02/2017	2	100%	Miễn nhiệm từ ngày 12/02/2018
7	Ông Phạm Ánh Dương	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	26/09/2018	2	100%	Bổ nhiệm ngày 26/09/2018
8	Ông Đinh Xuân Cường	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	26/09/2018	2	100%	Bổ nhiệm ngày 26/09/2018

9	Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Ủy viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	26/09/2018	2	100%	Bổ nhiệm ngày 26/09/2018
---	-----------------------	---	------------	---	------	--------------------------

Trong năm HĐQT đã ban hành 16 nghị quyết, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm sau:

- Chỉ đạo sát sao việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2018, kế hoạch kinh doanh 2018
- Chỉ đạo việc huy động nguồn vốn từ chào bán ra công chúng và phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động
- Kiện toàn nhân sự cấp cao của Công ty, hoàn thiện bộ máy nhân sự chủ chốt
- Chỉ đạo việc đầu tư góp vốn vào CTCP sản xuất tổng hợp An Thành
- Chỉ đạo việc sửa đổi Điều lệ và xây dựng Quy chế quản trị Công ty

Các Nghị quyết được HĐQT thông nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp BDH công ty thực hiện nhiệm vụ kinh doanh 2018 một cách hiệu quả.

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	2901/2018/NQ-HĐQT	29/01/2018	Nghị quyết về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ năm 2018
2	120201/2018/QĐ-HĐQT	12/02/2018	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản trị công ty CTCP An Tiến Industries
3	2602/2018/NQ-HĐQT	26/02/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu
4	260201/2018/NQ-HĐQT	26/02/2018	Nghị quyết thông qua việc triển khai đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
5	260202/2018/NQ-HĐQT	26/02/2018	Nghị quyết thông qua việc triển khai đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên
6	1303/2018/QĐ – HĐQT	13/03/2018	Nghị quyết về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2017 đợt 2
7	1405/2018/NQ – HĐQT	14/05/2018	Nghị quyết HĐQT đầu tư tại Singapore

8	0506/2018/NQ – HĐQT	05/06/2018	Nghị quyết HĐQT về việc phân phối lại cổ phiếu không chào bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn Điều lệ năm 2018
9	1206/2018/NQ – HĐQT	12/06/2018	Nghị quyết về việc tăng vốn góp tại CTCP sản xuất Tổng hợp An Thành
10	1206/2018/NQ – HĐQT	12/06/2018	Nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều lệ
11	130801/2018/NQ - HĐQT	13/08/2018	Nghị quyết về việc chuẩn bị tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
12	130803/2018/NQ - HĐQT	13/08/2018	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Phạm Văn Khương và Bà Nguyễn Thị Thu Nhân
13	130802/2018/NQ - HĐQT	13/08/2018	Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Đoàn Minh Đức
14	140901/2018/NQ - HĐQT	14/09/2018	Nghị quyết về việc thông qua các nội dung chuẩn bị cho cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
15	100102/2018/NQ - HĐQT	01/10/2018	Thông qua việc sửa đổi điều lệ và bầu Chủ tịch HĐQT
16	122002/2018/NQ - HĐQT	20/12/2018	Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Khu Công Nghiệp kỹ thuật cao An Phát và điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành tăng vốn năm 2018

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của từng thành viên HĐQT và giám sát công tác điều hành. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên.

4.3.3.2. HĐQT thực hiện tốt công tác chỉ đạo và giám sát BDH và các cán bộ quản lý

HĐQT đã thường trực bám sát hoạt động hàng ngày và trên các lĩnh vực hoạt động của Công ty, trực tiếp chỉ đạo giám sát BDH và cán bộ quản lý triển khai thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT

trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng chiến lược phát triển các dự án; chỉ đạo giám sát công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn, quản lý chi phí; công tác đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các dự án.... Các thành viên HĐQT thường xuyên làm việc thường trực hầu hết thời gian tại Công ty, trực tiếp giải quyết kịp thời nhiều công việc cấp bách, quan trọng trong tất cả các mảng hoạt động.

4.3.3.3. HĐQT triển khai kịp thời, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2018

HĐQT, BĐH Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường năm 2018, cụ thể là:

- Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 25%/mệnh giá cho cổ đông hiện hữu.
- Phát hành thành công 13.600.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thu về 190.400.000.000 đồng, đầu tư nâng vốn sở hữu tại CTCP sản xuất tổng hợp An Thành để phát triển mảng thương mại hạt nhựa.
- Phát hành 650.000 cổ phiếu ESOP cho CBCNV thu về 6.500.000.000 đồng bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ghi nhận đóng góp của CBCNV trong quá trình công tác, tạo sự gắn bó giữa trách nhiệm và quyền lợi của CBCNV với quá trình phát triển của Công ty.
- Thực hiện việc thay đổi tên giao dịch Công ty.

4.3.4. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT

Hiện tại cơ cấu thành viên HĐQT của HII đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành, các thành viên không điều hành và thành viên độc lập, trong đó đảm bảo thực hiện quy định tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập là ông Phạm Ánh Dương; ông Đinh Xuân Cường, ông Phạm Đỗ Huy Cường, 1/5 thành viên HĐQT không điều hành của Công ty là ông Nguyễn Hữu Long. Việc tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ thành viên độc lập và thành viên không điều hành giúp HĐQT có thể đưa ra các quyết định khách quan và độc lập các vấn đề, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các thành viên độc lập HĐQT của Công ty không chỉ tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ tài chính trong và ngoài nước mà đều có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – đầu tư tại nước ngoài và nhiều năm kinh nghiệm quản lý các doanh nghiệp trong nước. Từ ngày được bổ nhiệm, các thành viên độc lập HĐQT đã tham mưu trong các quyết định của HĐQT về các lĩnh vực quản trị tài chính doanh nghiệp, xây dựng cơ chế lương, thưởng, xây dựng cơ cấu nguồn vốn, đầu tư hiệu quả, xây dựng chiến lược điều hành, hỗ trợ công tác đối ngoại của HĐQT.

4.4. Báo cáo của BKS

4.4.1. Thành viên và cơ cấu BKS

STT	Thành viên	Chức vụ	Thời gian được bổ nhiệm
1	Nguyễn Thị Hương	Trưởng Ban	Tháng 3/2015
2	Đặng Thị Xuê	Thành viên	Tháng 2/2017
3	Hoàng Phương Hằng	Thành viên	Tháng 2/2017

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và BĐH. Các thành viên BKS Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Hiện tất cả các thành viên BKS Công ty đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm chức danh điều hành nào tại Công ty để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động được giao phó.

4.4.2. Hoạt động của BKS trong năm 2018

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BĐH Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý với đầy đủ các thành viên tham gia để tổng kết kết quả công việc đã thực hiện trong kỳ, lập kế hoạch thực hiện cho kỳ tiếp theo và gửi các ý kiến kiến nghị, góp ý tới HĐQT.
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT và BĐH theo sát việc ban hành và triển khai các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT về các vấn đề đầu tư, phát hành cổ phiếu, trái phiếu huy động vốn, tình hình sử dụng vốn và phân chia cổ tức, thực hiện kế hoạch kinh doanh 2018
- Tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty cùng các đơn vị thành viên, đảm bảo hoạt động bộ máy tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và quy chế Quản trị của Công ty.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty và các công ty thành viên đã niêm yết theo quy định của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan.

Các phiên họp của BKS

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, thông tin về tỷ lệ tham dự họp và nội dung biên bản họp như sau:

Tỷ lệ tham dự họp

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng BKS	19/3/2016	4/4	100%
2	Bà Đặng Thị Xuê	Ủy viên BKS	19/3/2016	4/4	100%
3	Bà Hoàng Phương Hằng	Ủy viên BKS	16/5/2009	4/4	100%

Nội dung chính và kết quả các cuộc họp của BKS trong năm:

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính	Kết quả
28/01/2018	3/3	<p>Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017</p> <p>Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018</p> <p>Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.</p>	<p>Các số liệu kế toán đảm bảo đầy đủ, khách quan, trung thực và chính xác với thực tế. Các số liệu đã thể hiện sự tăng trưởng, vượt kế hoạch ĐHĐCĐ đã đề ra và đạt mức cao nhất so với các năm trước</p> <p>Các nghị quyết và đề xuất được thực hiện theo đúng quy chế làm việc của HĐQT, các số liệu phục vụ kiểm toán được chuẩn bị đầy đủ.</p>
10/06/2018	3/3	<p>Đánh giá, xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong quý II</p>	<p>Các phòng, ban nghiệp vụ và các đơn vị thành viên đã hoàn thành các nghị quyết của HĐQT ban hành trong quý II</p>

		Kiểm tra các quy trình thực hiện và tuân thủ các quy định liên quan tới công bố thông tin.	
25/07/2018	3/3	<p>Thảo luận nội bộ về kế hoạch kiểm tra, giám sát trong nửa cuối năm 2018</p> <p>Báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán thống kê, lập báo cáo tài chính</p>	<p>Đánh giá tình hình triển khai công việc và đưa ra định hướng hoạt động kiểm tra giám sát trong 6 tháng cuối năm 2018</p> <p>Công tác kế toán thống kê đảm bảo đầy đủ, trung thực. Các số liệu đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật, báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và năm, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ đúng quy định, đảm bảo tính khách quan, trung thực, đúng với thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
12/12/2018	3/3	<p>Rà soát các nghị quyết HĐQT ban hành trong Quý III, Quý IV và đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH, cổ tức;...</p>	<p>Các bộ phận liên quan đã thực hiện nghiêm túc các Quyết định của HĐQT, không để xảy ra sai sót</p> <p>Việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH; cho người lao động và chi trả cổ tức cho cổ đông đều được thực thi đầy đủ, kịp thời, và nghiêm chỉnh.</p>

Báo cáo kết quả hoạt động của BKS

- **Kết quả giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2018**
 - Việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty: Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, năm 2018, chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và doanh thu đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra, do một vài yếu tố khách quan chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đặt ra
 - Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2017 theo tỷ lệ 25% (2.500 đồng/cổ phiếu) với tổng số tiền đã chi trả là 34.000.000.000 đồng và sử dụng LNST năm 2017 để trích lập các quỹ theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
 - Công ty đã hoàn thành việc ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty và thay đổi tên giao dịch Công ty
 - Công ty đã thực hiện việc phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- **Kết quả giám sát HĐQT**
 - HĐQT đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của BDH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã đề ra và đã triển khai thực hiện toàn bộ các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - Năm 2018, HĐQT đã tiến hành 17 phiên họp, đã thông qua và ban hành 16 nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên tham dự đảm bảo theo đúng quy định. Số phiên họp của HĐQT đảm bảo theo đúng quy định tại điều lệ Công ty.
 - Ban hành kịp thời các Nghị quyết sau khi có kết quả kiểm phiếu dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên thông qua tờ trình. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hoàn toàn tuân thủ luật doanh nghiệp cũng như các quy định khác của pháp luật.
 - Trong công tác phối hợp với BKS: HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ. Các Tờ trình, Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu biểu quyết của HĐQT đều được gửi tới BKS để tạo thuận lợi cho công tác của BKS.

- Các vấn đề quan trọng của Công ty đều được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản; việc bầu thành viên trong HĐQT đều được HĐQT xin ý kiến của ĐHĐCĐ theo đúng quy định.

- **Kết quả giám sát BDH**

Dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, trong năm 2018 BDH đã năng động, sáng tạo và nỗ lực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên để đưa ra các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. BDH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

- **Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty và các công ty thành viên đã niêm yết theo quy định của pháp luật.**

- Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Những người nội bộ thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu HII.
- Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng hàng quý, sáu tháng được công bố đúng thời hạn.

- **Kết quả thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh**

- **Về thực hiện chế độ kế toán và BCTC:**

- Các BCTC riêng của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm 2018 đã lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.
- Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2018 theo đúng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

○ **Về số liệu và kết quả kinh doanh:**

Ban kiểm soát thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong báo cáo riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

Một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2018 của Công ty mẹ, theo BCTC riêng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	Tỷ lệ TH 2018/2017
1. Tổng doanh thu thuần	549,25	506,87	92,28%
2. Lợi nhuận sau thuế	42,84	35,57	83,03%
3. Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	22,67%	8,14%	35,91%

Với kết quả kinh doanh năm 2018 như đã nêu ở trên, BKS có nhận xét như sau:

- Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2018 là 506,87 tỷ đồng, bằng 92,28% năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế đạt 35,57 tỷ đồng, bằng 83,03% năm 2017.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018 là 813,42 tỷ đồng, tăng 207,50 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 34,25% so với cùng thời điểm năm 2017.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 400,30 tỷ đồng, tăng 211,31 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 111,81 % so với cùng thời điểm năm 2017. Vốn điều lệ là 278,5 tỷ đồng, thặng dư vốn cổ phần là 54,10 tỷ đồng, quỹ đầu tư phát triển là 7,11 tỷ đồng, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là 1,56 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 59,02 tỷ đồng

Một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2018, theo BCTC hợp nhất, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ TH/KH 2018	Tỷ lệ TH 2018/2017
1. Tổng doanh thu thuần	1.331	3.000	4.874	162,47%	366,19%

2. Lợi nhuận sau thuế	61,58	130	45,22	34,78%	73,43%
3. Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	45,28%	46,68%	16,24%	34,79%	35,87%

Với kết quả kinh doanh năm 2018 như đã nêu ở trên, BKS có nhận xét như sau:

- Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2018 là 4.874 tỷ đồng, bằng 366,19% năm 2017, bằng 162,47% kế hoạch đặt ra
- Lợi nhuận sau thuế đạt 45,22 tỷ đồng, bằng 73,43% năm 2017, đạt 34,78% kế hoạch đặt ra.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018 là 2.281 tỷ đồng, tăng 1.211 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 113,18% so với cùng thời điểm năm 2017.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 604,51 tỷ đồng, tăng 298,19 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 97,34% so với cùng thời điểm năm 2017. Vốn điều lệ là 278,5 tỷ đồng, thặng dư vốn cổ phần là 54,10 tỷ đồng, quỹ đầu tư phát triển là 7,61 tỷ đồng, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là 1,56 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 76,62 tỷ đồng

• **Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt BKS với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý.**

- BKS đã phối hợp tốt với HĐQT và BDH triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên. Qua các cuộc kiểm tra, BKS thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với HĐQT, BDH để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
- HĐQT Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS, BDH đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. HĐQT Công ty, BKS, BDH và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.4.3. Đề xuất và phương án hoạt động của BKS cho năm 2019

4.4.3.1. Đề xuất của BKS cho năm 2019

BKS đề xuất các ý kiến sau cho năm 2018:

- Hoàn thiện các yêu cầu về quản trị công ty theo Nghị định 71 và Thông tư 95
- Đánh giá và nghiên cứu kế hoạch triển khai hệ thống ERP để áp dụng đồng bộ toàn Công ty và các Công ty thành viên
- Bộ phận Tài chính kế toán làm việc sâu sát hơn với đơn vị kiểm toán và tư vấn thuế nhằm nâng cao hiệu quả công tác tài chính kế toán

4.4.3.2. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019

- Tiếp tục triển khai các công việc rà soát, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
- Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính; giám sát việc thực hiện nội dung đề nghị, góp ý của đơn vị kiểm toán
- Giám sát HĐQT và BDH trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- Thực hiện rà soát, kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT để trình ĐHĐCĐ 2020
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định, quy chế của Công ty và luật pháp.
- Theo dõi, kiến nghị những vấn đề còn thiết sót về quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của công ty

4.5. Giao dịch & thù lao

4.5.1. Các giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Thay đổi trong năm 2018		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Mua	Bán	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Cổ đông lớn/ người có liên quan của người nội bộ	4.800.000	35,29	9.400.000	-	14.200.000	50,99	Mua phát hành thêm và mua trên sàn

4.5.2. Giao dịch với các bên liên quan

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
1	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Công ty mẹ	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	94.626.501.745
2	CTCP sản xuất Tổng hợp An Thành	Công ty con	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	43.028.750.080
3	Công ty CPVL xây dựng công nghệ cao An Cường	Công ty liên kết	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	397.429.773
4	Công ty CP Nhựa và Bao bì An Vinh	Công ty liên kết	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	133.545.000
5	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Công ty mẹ	Mua hàng hóa, dịch vụ	63.187.236.548
6	CTCP Liên vận An Tín	Công ty con	Mua hàng hòa, dịch vụ	34.175.131.993
7	CTCP sản xuất Tổng hợp An Thành	Công ty con	Mua hàng hòa, dịch vụ	24.395.486.580
8	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	28.213.922

4.5.3. Thù lao của HĐQT, BKS, BDH

4.5.3.1. Nguyên tắc chi trả thù lao của HĐQT, BKS và BDH:

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS, BDH tuân thủ theo định mức quy định tại Điều lệ Công ty về chế độ thù lao, tiền thưởng và các chi phí hoạt động, đồng thời được ĐHĐCĐ thông qua tại mỗi kỳ ĐHĐCĐ thường niên và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

4.5.3.2. Thù lao chi trả cho HĐQT, BKS và BDH năm 2018:

Trong năm 2018 số lượng thành viên của HĐQT và BKS lần lượt là 5 thành viên HĐQT và 3 thành viên BKS.

Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS của Công ty được ĐHĐCĐ thường niên tháng 2 năm 2018 của Công ty phê duyệt như sau:

- Tổng mức thù lao HĐQT: 156.000.000 đồng.
- Tổng mức thù lao BKS: 48.000.000 đồng.

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích chi trả cho tất cả các thành viên HĐQT và thành viên BKS; BDH trong năm 2018:

- Thù lao chi trả cho tất cả các thành viên HĐQT: 156.000.000 đồng và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- Thù lao chi trả cho tất cả các thành viên BKS: 48.000.000 đồng và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018
- BDH hưởng lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và không có chế độ thù lao.

4.5.4. Các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT, BKS và BDH:

Ngoài các khoản tiền lương và thù lao, các thành viên HĐQT; BKS, BDH còn được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Thành viên HĐQT, BKS; BDH và người thân được kiểm tra sức khỏe định kỳ mỗi năm hai lần theo gói khám sức khỏe đặc biệt tại phòng khám đa khoa VIP 12. Chi phí khám sức khỏe do Công ty thanh toán theo chi phí phát sinh thực tế.
- Bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm được hưởng theo đúng quy định của pháp luật, các thành viên HĐQT, BKS và BDH được hưởng gói Bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và người thân do Công ty chi trả.
- Phụ cấp điện thoại di động: mỗi thành viên HĐQT; BKS; BDH được Công ty thanh toán cước điện thoại di động theo chi phí phát sinh thực tế do có thể sử dụng điện thoại cá nhân để phục vụ cho công việc.
- Ưu đãi khi sử dụng dịch vụ của các Công ty thành viên: thành viên HĐQT; BKS, BDH được miễn phí hoặc giảm giá khi sử dụng các dịch vụ của các Công ty thành viên trong Tập đoàn.
- Chế độ đi công tác: thành viên HĐQT; BKS và BDH đi công tác đường hàng không được sử dụng hạng thương gia, có xe ô tô riêng đưa đón tại sân bay và phục vụ công việc. Thành viên

HĐQT; BKS và BDH được thanh toán công tác phí theo chi phí phát sinh thực tế phù hợp với nội dung công việc

4.6. Quản trị rủi ro

Mục đích Quản trị rủi ro

Tại CTCP An Tiến Industries, quản trị rủi ro được xem là công cụ quan trọng để đảm bảo quản trị hiệu quả và quản trị phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, HĐQT và BDH Công ty đã đầu tư nghiêm túc vào xây dựng văn hóa tuân thủ & quản trị rủi ro, hướng đến các mục tiêu sau:

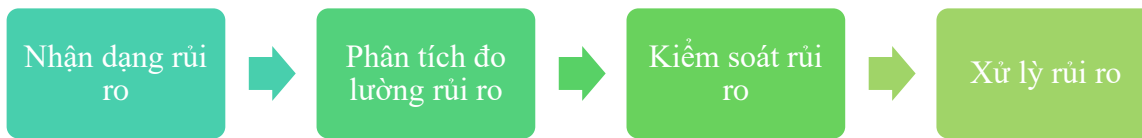
- Xây dựng khuôn khổ nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện kế hoạch tương lai có tính nhất quán và có thể kiểm soát;
- Tăng cường năng lực trong việc đưa ra những chỉ đạo chiến lược, quyết định kinh doanh trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của doanh nghiệp;
- Góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả những nguồn lực trong doanh nghiệp;
- Giảm thiểu những sai sót trong mọi khía cạnh của doanh nghiệp;
- Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh của doanh nghiệp;
- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Văn hóa tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro doanh nghiệp

Một điểm đặc thù trong quản trị rủi ro của An Tiến Industries đó là đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được xác định là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro doanh nghiệp. Khi đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được lan tỏa và thực thi sâu rộng, quản trị rủi ro được thấm nhuần và thực thi trong sự thấu hiểu, hiệu quả của quản trị rủi ro sẽ được đảm bảo. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT và BDH, công tác truyền thông thực hiện thường xuyên, trên các giao diện khác nhau nhằm nâng cao nhận thức của tất cả các cán bộ công nhân viên về các chính sách, quy định, lợi ích của tuân thủ và các việc cần làm hay nên tránh. Mọi nhân viên của An Tiến Industries thấu hiểu việc nắm rõ các rủi ro phát sinh và các phương thức, công cụ để kiểm soát các rủi ro là cách duy nhất để An Phát phát triển bền vững và đạt được các mục tiêu chiến lược.

An Tiến Industries nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật và luôn hướng tới áp dụng các chuẩn mực tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất trong việc xây dựng mô hình, cấu trúc và chính sách quản trị rủi ro. HĐQT và BDH cũng tăng cường sử dụng công nghệ trong công tác quản lý, đề cao đồng bộ hóa hệ thống và sự kết dính chặt chẽ giữa các tuyến hỗ trợ để nâng cao hiệu quả trong công tác tuân thủ và quản trị rủi ro, làm tiền đề triển khai chiến lược dài hạn của doanh nghiệp.

Phương pháp xây dựng quy trình quản trị rủi ro



Phân tích rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro

STT	Tên rủi ro	Mô tả	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro về chiến lược	Chiến lược của Công ty không phù hợp với thời đại; không bắt xu hướng thị trường hoặc không xây dựng được mục tiêu phát triển lâu dài của công ty	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, & phổ biến cho các phòng ban, bộ phận nắm được định hướng phát triển, tầm nhìn của doanh nghiệp • Xác định các nguồn lực cốt lõi để thực hiện mục tiêu, xây dựng kế hoạch hiện thực hóa, theo dõi và giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu • Dự báo và kịp thời điều chỉnh mục tiêu ngắn hạn theo tình hình thực tế
2	Rủi ro thị trường	<ul style="list-style-type: none"> ○ Giảm thị phần và có nguy cơ bị bắt kịp bởi các đối thủ ○ Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ đến doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực với gia tăng tự động hóa, sức ép cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng cao trước yêu cầu của người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng bộ phận Phân tích dự báo thực hiện nhiệm vụ phân tích, nghiên cứu nhu cầu thị trường, dự báo các xu hướng về sản phẩm, các biến động trong ngành để từ đó xây dựng kế hoạch phản ứng kịp thời. • Phát triển các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, bắt kịp xu hướng tiêu dùng xanh của xã hội • Bộ phận R&D nghiên cứu các sản phẩm mới, chất lượng cao, đưa ra các sáng kiến cải tiến sản xuất, nâng cao năng suất lao động, lợi thế cạnh tranh cho công ty • Nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh phân phối, tiếp tục mở rộng mạng lưới phân

			phối, kết hợp cả các kênh truyền thông và hiện đại.
3	Rủi ro về nguyên liệu	<ul style="list-style-type: none"> • Giá nguyên vật liệu biến động bất thường, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh • Không kịp thời cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất, quá trình sản xuất bị gián đoạn. • Các nguyên vật liệu chất lượng thấp, không đáp ứng nhu cầu, không thể đưa vào sản xuất, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> • Ký hợp đồng với các mỏ đá Mông Sơn, Lục Yên – 2 mỏ đá được coi là có trữ lượng lớn và tốt nhất tại Việt Nam, đảm bảo nguyên liệu cho nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃. • Hạn chế tồn kho nguyên vật liệu tuy nhiên vẫn đảm bảo quản lý hiệu quả, cân đối với kế hoạch sản xuất • Đa dạng hóa các nhà cung cấp để đảm bảo giá cả cạnh tranh • Thường xuyên đánh giá, kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu
4	Rủi ro về nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> • Không đủ số lao động đáp ứng cho các kế hoạch phát triển của công ty, nhân sự biến động nhiều dẫn đến những khó khăn trong tổ chức nhân sự theo kế hoạch sản xuất • Chất lượng nguồn nhân lực không đáp ứng được yêu cầu của quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> • Chú trọng công tác quản trị nhân sự để đảm bảo duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao với độ linh hoạt trong tổ chức, tối ưu hóa chi phí vận hành • Lập kế hoạch tuyển dụng cụ thể cho từng giai đoạn & xây dựng đội ngũ dự bị cho các vị trí quan trọng trong sản xuất. • Tổ chức đào tạo cho CBCNV trước khi đưa vào sản xuất & định kỳ tổ chức sát hạch, kiểm tra để đảm bảo năng lực làm việc. • Xây dựng kế hoạch đào tạo tổ chức tập huấn, cử CBCNV sang học tập tại nước ngoài • Xây dựng và phát triển môi trường làm việc ổn định, thân thiện với CBCNV, xây dựng cơ chế lương thưởng, phúc lợi tốt cho CBCNV.
5	Rủi ro về an ninh thông tin	Các rủi ro về gián đoạn hệ thống, vấn đề bảo mật thông tin, các tội phạm mạng công nghệ tấn công	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin của Công ty trong cả khối sản xuất và khối văn phòng

			<ul style="list-style-type: none"> • Thường xuyên cập nhật các công cụ bảo vệ cho hệ thống thông tin của công ty.
6	Rủi ro về tỷ giá	<p>Biến động mạnh của tỷ giá ảnh hưởng đến các hoạt động xuất khẩu hàng bán, nhập khẩu nguyên vật liệu, chi phí tài chính của Công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi sát sao các yếu tố có thể tạo nên biến động về tỷ giá như kinh tế, tài chính trong và ngoài nước, • Chủ động phòng ngừa thông qua chính sách điều chỉnh nguồn thu xuất khẩu, tín dụng thương mại....Các kế hoạch xuất nhập khẩu được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện và thời gian thanh toán để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất • Nghiên cứu tính khả thi và triển khai các công cụ phòng vệ
7	Rủi ro về lãi suất	<p>Rủi ro tín dụng và lãi suất của Công ty chủ yếu là ảnh hưởng đến khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và nợ vay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan bao gồm thị trường tài chính, tiền tệ trong nước và quốc tế • Công ty luôn lập kế hoạch vay và chi trả cụ thể cho từng khoản, đồng thời tìm và tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi, kiểm soát dòng tiền hợp lý • Sử dụng đòn bẩy tài chính thận trọng,
8	Rủi ro về chính sách, pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động của HII được điều chỉnh bởi: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật khác. Các luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty • Công ty con của HII – An Thành Bicsol đã mở trụ sở 	<ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động của HII được điều chỉnh bởi: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật khác. Các luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty • Công ty con của HII – An Thành Bicsol đã mở trụ sở tại Singapore. Trong tương lai HII sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động sang các quốc gia khác. • rà soát 100% hồ sơ, hợp đồng được kí kết

		tại Singapore. Trong tương lai HII sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động sang các quốc gia khác. Có thể xảy ra nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường nếu công ty không thường xuyên cập nhật các quy định về pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn tham mưu cho HĐQT và các đơn vị thành viên về các dự án đầu tư, thỏa thuận hợp tác kí kết
9	Rủi ro môi trường	Công ty có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh qua các nguồn nước thải, chất thải trong quá trình vận hành sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động bảo vệ môi trường, không để xảy ra sai phạm Tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế về quản lí môi trường như ISO 9001 Thực hiện kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả về hoạt động
10	Các rủi ro khác	Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty	Công ty đã mua các bảo hiểm vật chất cho các nhà máy và dự án của mình.

4.7. Đánh giá tình hình thực hiện Quản trị công ty dựa trên Thẻ điểm Quản trị công ty

STT	Phần	Tiêu chí	Phần trả lời	Đánh giá và định hướng hành động
QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG				
1	A	Công ty có áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?	Chưa áp dụng	Công ty sẽ nghiên cứu và phấn đấu đến năm 2020 sẽ đưa vào áp dụng

2	A	Công ty có quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông và hướng dẫn cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông không?	Có	HII thực hiện tốt nội dung này. Ngoài việc quy định chi tiết trong quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Công ty còn thể hiện chi tiết trong thư mời họp, giấy ủy quyền được gửi kèm theo thư mời gửi trực tiếp tới các cổ đông và được đăng tải đầy đủ trên website Công ty
3	A	Công ty có công bố và sử dụng tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm thư mời họp bằng tiếng Anh không?	Có	HII thực hiện tốt nội dung này
4	A	Công ty có công bố đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia Ban kiểm phiếu bầu tại ĐHĐCĐ không?	Không	Bắt đầu từ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty sẽ áp dụng
5	A	Công ty có xây dựng và công bố chính sách liên quan đến việc khiếu nại của cổ đông không?	Có	Điều 56 Điều lệ Công ty
6	A	Có bằng chứng cho thấy đại hội đồng cổ đông có thông qua thù lao hoặc lương thưởng, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho từng thành viên HĐQT không?	Có	ĐHĐCĐ thường niên hàng năm Công ty đều thông qua mức thù lao của từng thành viên HĐQT, BKS
ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN				
7	B	Công ty có công bố Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội ?	Có	Bắt đầu thực hiện từ năm 2019 và được

				thể hiện trong báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
8	B	Công ty có lập và công bố Báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)?	Có	Bắt đầu thực hiện từ năm 2019
9	B	Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Có	
10	B	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Có	HII thực hiện rất tốt nội dung này
11	B	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Có	HII thực hiện rất tốt nội dung này
12	B	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	Có	Hàng năm Công ty đều phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV
13	B	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Có	
14	C	Công ty có công bố tính độc lập của thành viên HĐQT không?	Có	
15	C	Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của	Có	

		công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên không?		
16	C	Báo cáo thường niên có công bố lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong HĐQT, BKS, BDH/ Tổng Giám đốc không?	Có	
17	C	Công ty có công bố phí kiểm toán không?	Có	
18	C	Website Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	Có	
19	C	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	Có	
TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VÀ BKS				
20	D	Cơ cấu HĐQT có đa dạng về kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty không?	Có	
21	D	Cơ cấu HĐQT có đa dạng về giới không?	Có	
22	D	HĐQT của công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập không?	Có	
23	D	HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách quản trị công ty hay không?	Có	
24	D	Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm có phải do Thành viên Độc lập đánh giá không?	Có	
25	D	Công ty có thành lập các tiểu ban sau: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng không?	Không	
26	D	Các tiểu ban trực thuộc HĐQT có phải do Thành viên độc lập làm trưởng ban không?		Công ty chưa thành lập tiểu ban

27	D	Công ty có chính sách giới hạn về số năm đương nhiệm của thành viên HĐQT không?	Không	
28	D	Trưởng BKS phải là người có nghiệp vụ về kế toán và kiểm toán và phải làm việc chuyên trách tại công ty không? <i>Trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp</i>	Có	
29	D	Công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không?	Có	
30	D	Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc?	Không kiêm nhiệm	
31	D	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Có	
32	D	Thành viên HĐQT có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty không?	Có	

5. Báo cáo tác động môi trường xã hội

5.1. Thông tin chung về báo cáo

- Mục tiêu của báo cáo: Báo cáo đưa ra đánh giá liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững của HII trong năm 2017. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của HII có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội, môi trường. Báo cáo Phát triển bền vững của HII là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên, giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên hữu quan tiếp cận các thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn ở khía cạnh phát triển bền vững
- Thời gian thực hiện báo cáo: 1/1/2018 – 31/12/2018
- Ngày báo cáo gần nhất: 31/12/2017
- Chu kỳ báo cáo: thường niên
- Phạm vi báo cáo: Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của CTCP An Tiến Industries về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bao bì nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa.

- Thông tin liên hệ:

HII đang nỗ lực hết mình để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan đối với minh bạch thông tin, tăng trưởng bền vững trong kinh doanh, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Do đó chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

Nguyễn Thị Tiệp

Trưởng Phòng Quan hệ Nhà đầu tư

Email: tiennt@anphatplastic.com

Số điện thoại: +84 912 808 885

5.2. Định hướng phát triển bền vững

Các tác động của HII liên quan đến phát triển bền vững

Việc đánh giá tác động từ các hoạt động của HII lên 03 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường sẽ giúp HII xác định được vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và đóng góp xây dựng cộng đồng và xã hội.

- Tác động đối với nền kinh tế:

HII luôn đảm bảo tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận từ đó hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đóng góp cho Ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, với vai trò là doanh nghiệp dẫn đầu ngành nhựa bao bì, An Phát luôn tiên phong trong các xu hướng sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường, đi trước và đón đầu xu thế của thế giới, hỗ trợ và nâng đỡ các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam, giúp nâng cao vị thế và tầm vóc ngành nhựa Việt Nam trên thế giới.

- Tác động đối với xã hội:

Trong nhiều năm qua, HII đã duy trì công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người dân tại địa bàn Hải Dương và các tỉnh lân cận, đóng góp không nhỏ cho công tác an sinh. Đồng thời, HII cũng chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội văn minh. Ngoài ra công ty đã tổ chức và tài trợ các chương trình hoạt động cộng đồng, xã hội, san sẻ khó khăn,

- Tác động đối với môi trường:

HII hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa phụ gia, bản thân các sản phẩm nhựa truyền thống gây ra những quan ngại về vấn đề môi trường. Ý thức được điều đó, HII đã nỗ lực để để “xanh” trong cách doanh nghiệp vận hành, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang các sản phẩm thân thiện với môi trường bằng việc lan tỏa thói quen tiêu dùng xanh trong nội tại doanh nghiệp và tới tất cả các bên hữu quan của chúng tôi. Hệ thống xử lý nước thải được đầu tư theo dây chuyền

tuần hoàn khép kín theo các tiêu chuẩn quốc tế, các chỉ tiêu về tiêu thụ năng lượng và nguyên vật liệu được giám sát chặt chẽ, khuôn viên các nhà máy được quy hoạch với không gian xanh rộng mở, các phong trào tiết kiệm năng lượng được phát động và hưởng ứng bởi tất cả CBCNV trong công ty.

5.3. Gắn kết với các bên liên quan

Trong xu thế chung của hội nhập toàn cầu, mối quan hệ của doanh nghiệp với các bên liên quan càng đóng vai trò quan trọng với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó HII đã xây dựng những nguyên tắc, chuẩn mực nhằm tăng cường chủ động, tương tác trong các mối quan hệ, tiếp nhận các phản hồi từ các bên. HII hướng đến xây dựng các mối quan hệ bền vững dựa trên nền tảng thương hiệu và các chuẩn mực đạo đức kinh doanh doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu mang lại giá trị tích cực và bền vững cho tất cả các bên.

5.3.1. Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan

Năm 2018 các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được HII quan tâm và chủ động trao đổi với các bên liên quan thông qua nhiều kênh tương tác. HII đã sử dụng những cách thức riêng, phù hợp với từng bên liên quan, để đảm bảo cung cấp các thông tin mà các bên quan tâm một cách nhanh chóng, đầy đủ, chính xác. Dưới đây là những kênh tiêu biểu HII đã và đang triển khai.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Tần suất
Khách hàng	Tiếp nhận và trả lời ý kiến của khách hàng thông qua trao đổi làm việc giữa bộ phận bán hàng và chăm sóc khách hàng	Thường xuyên
	Tổ chức thường niên các hội nghị khách hàng	Thường niên
	Cập nhật thông tin mới nhất về công ty, đồng thời tiếp nhận ý kiến của khách hàng qua website công ty	Thường xuyên
	Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng	Thường xuyên
	Khách hàng đến thăm và làm việc trực tiếp tại công ty	Thường niên/ Khi có yêu cầu
Cổ đông và nhà đầu tư	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo quy định pháp luật	Thường niên hoặc khi phát sinh
	Tiếp nhận thông tin trao đổi qua email, điện thoại...	Thường xuyên
	Tổ chức các buổi thăm quan nhà máy, gặp gỡ ban lãnh đạo công ty định kỳ với các nhà đầu tư để cập nhật về tình hình kinh doanh và phát sinh khi có yêu cầu từ nhà đầu tư	Thường xuyên

	Công bố thông tin trên website công ty	Thường xuyên
	Tham gia các Hội nghị đầu tư, Diễn đàn tăng cường trao đổi giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp	Khi có sự kiện
CBCNV	Tiếp nhận, xử lý các ý kiến của CBCNV thông qua các tổ chức công đoàn và đoàn thể của công ty	Thường xuyên
	Thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ về xây dựng nguồn nhân lực, đào tạo, lan tỏa văn hóa An Phát	Thường xuyên
	Tổ chức các chương trình bình chọn cá nhân xuất sắc	2 lần/năm
	Thông qua các hoạt động hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch nội bộ	Thường xuyên
	Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội	Thường xuyên
Nhà cung cấp	Thông qua các kênh tương tác email, điện thoại, trao đổi trực tiếp làm việc giữa bộ phận mua hàng và nhà cung cấp	Thường xuyên
	Thông qua các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động mua hàng của công ty	Thường xuyên
	Xây dựng kênh tương tác phản hồi để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ	Thường xuyên
	Thông qua các buổi gặp gỡ chiến lược giữa lãnh đạo hai bên	Khi có sự kiện, yêu cầu
Cộng đồng - Xã hội	Tiếp nhận, trả lời các ý kiến của cộng đồng, xã hội qua các phương tiện truyền thông, mạng xã hội của công ty	Thường xuyên
	Thông qua các chương trình, hoạt động an sinh xã hội hàng năm theo kế hoạch của công ty	Khi có sự kiện
	Tham gia tư vấn, hỗ trợ, tài trợ các sự kiện, hoạt động liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, xây dựng cộng đồng, xã hội	Thường xuyên
Truyền thông Báo chí	Thông qua hoạt động công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng	Thường xuyên
	Tổ chức thăm quan doanh nghiệp, gặp gỡ và trả lời phỏng vấn, họp báo khi có yêu cầu	Khi có yêu cầu, sự kiện
	Thực hiện thông cáo báo chí, tổ chức họp báo khi có sự kiện cần công bố	Thường xuyên

	Cập nhật thường xuyên tin tức về doanh nghiệp trên website công ty theo cả tiếng Anh và tiếng Việt để mở rộng đối tượng, phạm vi, khách hàng tiềm năng	Thường xuyên
Các cơ quan quản lí	Tham dự các buổi tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức Thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật qua các phương tiện thông tin đại chúng	Thường xuyên

5.3.2. Môi quan tâm của các bên liên quan

Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của HII
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng, chất lượng sản phẩm Đảm bảo về thời gian giao hàng Chăm sóc khách hàng, xử lí các yêu cầu khiếu nại của khách hàng 	<ul style="list-style-type: none"> Coi sự tin tưởng và hài lòng của khách hàng là thước đo giá trị chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu trên thị trường Đảm bảo các sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng về cả số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng. Đào tạo bộ phận bán hàng và chăm sóc khách hàng về theo những chuẩn mực về thái độ, trách nhiệm và văn hóa khi giao tiếp, làm việc với khách Sẵn sàng đón tiếp khách hàng đến khảo sát, đánh giá nhà máy Tích cực xây dựng kênh thông tin trao đổi giữa khách hàng và doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp có thể thấu hiểu và đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.
Cổ đông và Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tính minh bạch, trung thực trong việc công bố thông tin. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định pháp luật; đảm bảo tính trung thực, minh bạch, công khai, kịp thời của công bố thông tin. Việc trao đổi, cập nhật thông tin về doanh nghiệp đảm bảo tính công bằng cho các nhà đầu tư

	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các nghĩa vụ với cổ đông như tổ chức ĐHĐCĐ, chi trả cổ tức,... • Xây dựng kênh thông tin hiệu quả, hai chiều giữa doanh nghiệp và cổ đông & nhà đầu tư thông qua gặp gỡ thăm doanh nghiệp, email, điện thoại, bản tin nhà đầu tư.....
<p>Nhân viên</p> <ul style="list-style-type: none"> • Được đảm bảo các quyền lợi chính đáng về lương thưởng, chế độ phúc lợi. • Cơ hội học hỏi, đào tạo, hoàn thiện năng lực cá nhân, cơ hội để thăng tiến trong tổ chức • Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, sáng tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhận thức con người là động lực sáng tạo và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, Công ty duy trì và phát triển các chính sách nhân sự về lương, thưởng, phúc lợi hấp dẫn cho CBCNV • Áp dụng đánh giá hiệu quả công việc bằng KPI giúp công ty công bằng và minh bạch năng lực của CBCNV, đảm bảo CBCNV chủ động, trách nhiệm trong công việc theo từng vị trí, chức năng cụ thể • Sẵn sàng áp dụng những sáng kiến nhằm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, tạo động lực làm việc cho CBCNV. • Khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo của CBCNV, thường xuyên chủ động tổ chức các chương trình đào tạo cho CBCNV để nâng cao trình độ chuyên môn.
<p>Nhà cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> • Minh bạch thông tin, đảm bảo công bằng cho các nhà cung cấp. • Minh bạch quy trình lựa chọn nhà cung cấp. • Hoàn thành các nghĩa vụ thanh toán. • Xây dựng quan hệ hợp tác lành mạnh, cùng phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp theo từng loại nguyên vật liệu. • Thống nhất quy trình thanh toán trước khi ký hợp đồng, đảm bảo thực hiện thanh toán theo hợp đồng • Thường xuyên đánh giá năng lực, chất lượng của nhà cung cấp. • Xây dựng các kênh trao đổi thông tin hai chiều giữa Công ty và nhà cung cấp, chú trọng xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược trên nhiều lĩnh vực

Cộng đồng - Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các nghĩa vụ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với xã hội. • Đóng góp của doanh nghiệp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội và bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> • HII đặt trách nhiệm xã hội và môi trường là một trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững, cam kết hạn chế tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình vận hành sản xuất • Thực hiện chiến lược kiến tạo tương lai xanh khi hoạt động sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường • Duy trì và phát huy các chương trình cộng đồng, xã hội, đóng góp cho sự phát triển cộng đồng xã hội • Lan tỏa xu hướng tiêu dùng xanh tới cộng đồng, xã hội.
Cơ quan truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> • Các thông tin về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh • Các nhận định về thị trường, các chia sẻ của lãnh đạo công ty 	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng mối quan hệ thân thiện, hợp tác với các cơ quan truyền thông báo chí trên nguyên tắc minh bạch, hợp pháp • Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin trao đổi • Trả lời các câu hỏi, thắc mắc của báo chí.
Các cơ quan quản lí	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các quy định về pháp luật của doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vận hành,... của doanh nghiệp • Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm... với các cơ quan chức năng

5.3.3. Xác định các lĩnh vực trọng yếu

Báo cáo phát triển bền vững HII năm 2018 được thực hiện thông qua việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu có mối liên hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Việc xác định đúng các vấn đề trọng yếu là rất quan trọng, đảm bảo lợi ích giữa các bên liên quan, là cơ sở để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của báo cáo.

5.4. Hiệu quả kinh tế

Kết quả kinh doanh tăng trưởng: Chiến lược phát triển bền vững của công ty chỉ có thể được thực hiện khi công ty đảm bảo được nguồn lực tài chính, có hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng

liên tục qua các năm. Tính đến năm 2018, quy mô tổng tài sản tăng lên khoảng 10 lần so với năm 2015.

Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông: Công ty cũng đã có chính sách chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do HĐQT xây dựng, đề xuất và ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc: ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, Công ty chi trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định Công ty vẫn thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Dự kiến cổ tức năm 2018 của Công ty theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua bằng tiền mặt. Năm 2018, cổ tức bằng tiền mặt HII đã chi trả cho cổ đông là 15 tỷ đồng, đảm bảo mức cổ tức 2.500 đồng/cổ phiếu.

Đảm bảo quyền lợi cho CBCNV: Năm 2018, HII đã thực hiện chi trả đầy đủ lương và các chế độ ngoài lương cho người lao động, thưởng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các chính sách bảo hiểm, phúc lợi theo quy định của pháp luật.

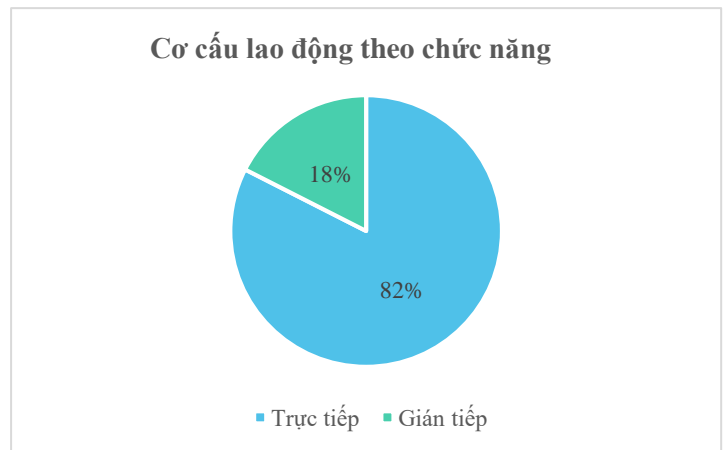
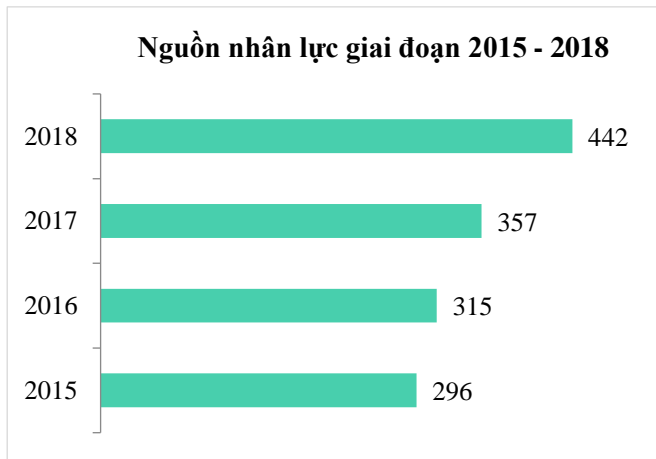
Đóng góp Ngân sách nhà nước

Cùng với tăng trưởng kinh tế, giá trị đóng góp cho Ngân sách Nhà nước của HII luôn tăng trưởng nhanh qua các năm. Năm 2018, nộp Ngân sách Nhà nước của HII đạt hơn 25 tỷ đồng. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng, các hoạt động đầu tư và mở rộng được đẩy mạnh, thu nhập của CBCNV được cải thiện là tác động chính nâng cao đóng góp ngân sách nhà nước của Công ty.

5.5. Phát triển nguồn nhân lực

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, HII đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt nhất, cơ hội phát triển năng lực đầy đủ nhất và một đời sống phong phú cả về vật chất và tinh thần. Chiến lược quản trị nhân sự của HII được xây dựng trên những mục tiêu chính: tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, thân thiện; thu hút, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, chú trọng thăng tiến nội bộ đưa HII trở thành một tập thể không ngừng học hỏi và hoàn thiện; đánh giá năng lực CBCNV công bằng, minh bạch; tạo khối đoàn kết nội bộ thông qua các chính sách đãi ngộ, phúc lợi gắn với giá trị cốt lõi và văn hóa doanh nghiệp.

5.5.1. Cơ cấu nguồn nhân lực



5.5.2. Đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV

Nhằm đảm bảo sức khỏe của người lao động và xây dựng môi trường làm việc an toàn để người lao động an tâm công tác, HII luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp.

Đồng thời Công ty sẽ thường xuyên cập nhật và thu thập những thông tin mới nhất về các mối nguy hại tiềm ẩn có thể xảy ra trong quá trình sản xuất, và thông báo công khai cho người lao động. Công ty sẽ hạn chế hoặc có những giám sát đặc biệt khi bắt buộc phải sử dụng các chất tiềm ẩn các mối nguy hại tới sức khỏe của người lao động, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, giảm thiểu rủi ro cho người lao động.

Tại HII, CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn chất lượng, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; được hoàn thiện các thủ tục BHXH cho CBCNV, bảo đảm 100% người lao động làm việc lâu dài tại công ty được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các

chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Trong năm HII cũng tổ chức các buổi tập duyệt phòng cháy chữa cháy cho CBCNV.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Số lượng CBCNV được khám sức khỏe định kỳ	Người/năm	415
2	Tai nạn lao động		
	Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	Không có
	Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	Không có
	Số ngày nhân viên bị nghỉ việc do tai nạn lao động	Ngày	Không có
	Tổng số trường hợp tử vong do tai nạn lao động	Người	Không có
3	Bệnh nghề nghiệp		
	Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp trong năm	Người	Không có
	Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	Không có

5.5.3. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động

HII luôn nỗ lực tạo ra môi trường làm việc thuận lợi nhất, khơi nguồn sáng tạo, tinh thần cống hiến của CBCNV. Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động, HII luôn luôn chú trọng phát triển các chính sách đãi ngộ, chăm lo đời sống của CBCNV.

Bên cạnh các chế độ phúc lợi chung theo quy định của Pháp luật, Công ty còn có các chính sách khác để chăm sóc toàn diện cho người lao động, cụ thể như sau:

- Quy hoạch xây dựng khuôn viên nhà máy và văn phòng tổng thể với không gian cây xanh rộng rãi, có hội trường, khu vực sinh hoạt cộng đồng cho CBCNV
- Tổ chức bếp ăn tập thể phục vụ CBCNV: Bếp ăn của Công ty cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm
- Tổ chức chương trình du lịch nghỉ mát thường niên cho CBCNV
- Tổ chức các chương trình chúc mừng ngày lễ tết, sinh nhật tập thể cho CBCNV
- Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ gia đình CBCNV khi bị ốm đau, hiếu hỉ
- Tổ chức quyên góp hỗ trợ gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn
- Tổ chức các chương trình thể thao, văn nghệ giữa các đơn vị

5.6.4. Công tác đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong quá trình phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty luôn có các chính sách thu hút nhân tài và tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề phục vụ cho công việc. Bên cạnh các chương trình đào tạo nội bộ về kỹ năng, nghiệp vụ trong công việc, HII cũng kinh phí đào tạo cho CBCNV, tổ chức các phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty. Một số chỉ tiêu đào tạo trong năm 2018:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị năm 2018
Số CBCNV được đào tạo	Người	450
Số giờ đào tạo trung bình năm/người	Giờ/ người	40
Tổng số giờ đào tạo	Giờ	18.000
Tỷ lệ CBCNV được định kì đánh giá	%	100%

HII cũng phối hợp với các đơn vị đào tạo lao động như các trung tâm đào tạo nghề địa phương, các trường cao đẳng, đại học nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung lao động phục vụ công tác sản xuất và kinh doanh.

5.6. Phát triển xã hội

Trong quá trình lớn mạnh của doanh nghiệp, bên cạnh việc tập trung mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế, HII đã nỗ lực thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội, trở thành doanh nghiệp tiêu biểu đóng góp cho sự phát triển của địa phương.

HII đã tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho 442 lao động tại địa phương và các tỉnh lân cận, đóng góp không nhỏ cho công tác an sinh xã hội tại địa phương. Tính riêng HII đã tạo ra việc làm ổn định cho hơn 1800 lao động địa phương và các tỉnh lân cận. Xây dựng một môi trường làm việc ổn định, thu nhập ổn định đã đóng góp không nhỏ cho công tác an sinh xã hội của địa phương. Con người An Phát được

Thu nhập bình quân lao động/tháng (triệu đồng)



thường xuyên đào tạo, nâng cao năng lực, rèn luyện đạo đức, góp phần dựng xây xã hội văn minh, hiện đại.

Hoạt động cộng đồng xã hội

Năm 2018 tổng số tiền đã ủng hộ cho các chương trình an sinh xã hội là 580.000.000 đồng, cụ thể:

- Phụng dưỡng 5 mẹ Việt Nam Anh Hùng của tỉnh Yên Bái với ngân sách 1 triệu đồng/tháng/người.
- Ủng hộ Quỹ người nghèo của tỉnh Yên Bái 200.000.000 đồng
- Phối hợp với Công đoàn Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái tổ chức Tết sum vầy cho người lao động trong Khu công nghiệp, đồng thời công ty cũng trao tặng 60 triệu đồng cho những công nhân có hoàn cảnh khó khăn.
- Tài trợ trưng bày kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ lên thăm Yên Bái với mức tài trợ là 200.000.000đ.
- Trao tặng 02 nhà xây cho 2 gia đình bị thiên tai tại xã Hồng Ca, Trấn Yên, Yên Bái (50tr)
- Ủng hộ đồng bào gặp thiên tai tại xã Mỏ vàng, Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái số tiền 30.000.000đ
- Phối hợp với tỉnh Đoàn Hải Dương tài trợ 10 triệu đồng để xây cầu cho nhân dân Xã Nậm có, Huyện Mù Cang Trãi, Yên Bái Bảo vệ môi trường

5.6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu

Tổng lượng nguyên liệu vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm:

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2017	Số lượng sử dụng năm 2018
1	Hạt nhựa	Tấn	3.179	4.769
2	Bột đá CaCO ₃	Tấn	25.991	33.221
3	Phụ gia	Tấn	2.582	4.390
4	Vỏ bao	Nghìn chiếc	1.199	2.398

Năm 2018 số lượng nguyên vật liệu tăng do việc tăng công suất hoạt động nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ và nhà máy sản xuất hạt compound.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế và được sử dụng để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng tái sử dụng năm 2017	Số lượng tái sử dụng năm 2018
1	Hạt Calbest	tấn	310	464

Cùng với sự gia tăng về lượng nguyên vật liệu được sử dụng, Công ty cũng tích cực tái chế nguyên liệu để đưa vào sản xuất, giảm lượng phế thải ra môi trường, không gây ô nhiễm môi trường, đồng thời góp phần làm giảm tác động xấu của các hoạt động sản xuất công nghiệp tới môi trường xung quanh.

5.6.2. Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2017, công ty nâng công suất hoạt động của nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia, và nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃, lượng điện tiêu thụ của HII năm 2017 tăng mạnh so với năm 2016. Cụ thể, năm 2017 HII tiêu thụ hơn 6,2 triệu KW, tăng 2,2 lần so với lượng tiêu thụ năm 2016. Công ty đã đưa ra chính sách tiết kiệm điện đối với toàn thể CBCNV. Việc sử dụng điện được tiết kiệm tối đa với hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng của HII là các thiết bị tiết kiệm điện theo đúng tiêu chuẩn. Ngoài ra, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, HII luôn có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động có tiêu thụ điện năng để cắt bỏ những khâu có gây lãng phí.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018
Lượng điện tiêu thụ	Nghìn KWh	6.245	9.243

Ước tính dựa trên hóa đơn điện hàng tháng

5.6.3. Tiêu thụ nước

Để đảm bảo đủ nước trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty đã ký hợp đồng cung cấp nước với Trạm cấp nước sạch KCN phía Nam thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với lượng nước sử dụng như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng sử dụng	
		2017	2018
Lượng nước tiêu thụ	m ³	12.719	18.442

Thống kê dựa trên hóa đơn nước hàng tháng

Hiện tại việc tái chế và tái sử dụng nước tại Công ty được sử dụng cho hệ thống làm mát máy và hệ thống làm mát không khí tại nhà xưởng. Công ty sử dụng nước sạch trong công đoạn này, do đó toàn bộ nước được tuần hoàn tái sử dụng không thải nước ra ngoài môi trường.

5.6.4. Bảo vệ môi trường và kiểm soát phát thải, khí thải và chất thải

Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống quản lý môi trường tại các nhà máy của HII được công nhận ISO 14001:2004, giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường, qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Định kì quan trắc môi trường

Ngoài ra Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường địa phương như thực hiện đánh giá tác động môi trường và cam kết thực hiện đúng cam kết. Hàng năm, HII thực hiện quan trắc không khí và xả thải 04 lần. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường được đánh giá theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

HII đã đầu tư quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng và có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường quản lý, không gây ô nhiễm và không làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường cho khu vực. Do vậy trong quá trình hoạt động HII chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

HII là doanh nghiệp sản xuất phụ gia ngành nhựa hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bột đá CaCO₃, đồng thời, một số sản phẩm công nghệ mới đã được chính HII sản xuất như hệ thống xử lý nước thải và một số máy móc khác. Tại địa phương, HII được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có hệ thống nhà xưởng sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt các tiêu chuẩn quốc tế, giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật. Ngoài ra Công ty đã áp dụng thành công chương trình nâng cao kỹ năng quản lý do tập đoàn IMPAC Hoa Kỳ tư vấn thực hiện.

Với hệ thống quản lý môi trường mà Công ty đã triển khai áp dụng, các rủi ro về môi trường được theo dõi và kiểm soát, giảm thiểu tối đa những tác động về môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiến Industries (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Ông Đinh Xuân Cường | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2018) |
| 2. Ông Vũ Thanh Bình | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Hữu Long | Ủy viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2018) |
| 4. Ông Phạm Ánh Dương | Ủy viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2018) |
| 5. Ông Phạm Đỗ Huy Cường | Ủy viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2018) |
| 6. Bà Trần Thị Thoán | Ủy viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2018) |
| 7. Bà Đặng Thị Quỳnh Phương | Ủy viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2018) |
| 8. Ông Lê Đức Tứ | Ủy viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2018) |
| 9. Ông Lê Mạnh Hùng | Ủy viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2018) |

Ban Kiểm soát

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Hường | Trưởng ban |
| 2. Bà Đặng Thị Xue | Thành viên |
| 3. Bà Hoàng Phương Hằng | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Ông Vũ Thanh Bình | Tổng Giám đốc (Thay đổi chức danh từ ngày 27 tháng 02 năm 2018) |
| 2. Ông Đoàn Minh Đức | Phó Tổng Giám đốc kiêm Phụ trách kinh doanh (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 08 năm 2018) |
| 3. Ông Phạm Văn Khương | Phó Giám đốc kiêm Phụ trách kinh doanh (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 08 năm 2018) |
| 4. Bà Nguyễn Thị Thu Nhân | Kế toán trưởng (thay đổi chức danh từ ngày 13 tháng 08 năm 2018) |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Thanh Bình - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó, đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Vũ Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Số: /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần An Tiên Industries**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần An Tiên Industries (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (dưới đây gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 18 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó, Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Trong đó, Báo cáo kiểm toán độc lập số 020104/2018/BCKT-IFC lập ngày 01/02/2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.501.311.931.441	627.003.970.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	148.931.866.434	124.021.168.833
1. Tiền	111		59.212.272.387	30.049.219.464
2. Các khoản tương đương tiền	112		89.719.594.047	93.971.949.369
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	187.006.460.274	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		187.006.460.274	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		779.552.821.144	318.632.950.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	479.273.719.421	138.158.871.935
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	81.554.513.746	169.235.064.300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	176.863.866.500	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	41.860.721.477	11.239.014.564
IV. Hàng tồn kho	140	10	280.843.364.458	127.048.750.955
1. Hàng tồn kho	141		283.593.881.989	127.048.750.955
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.750.517.531)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		104.977.419.131	57.301.099.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	5.176.229.554	3.203.563.947
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.097.316.318	53.836.552.241
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.703.873.259	260.983.354
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		779.923.783.936	452.098.042.850
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.613.709.467	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	3.613.709.467	-
II. Tài sản cố định	220		419.290.076.539	371.429.016.661
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	405.217.155.627	357.334.977.315
- Nguyên giá	222		490.352.365.160	401.430.153.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.135.209.533)	(44.095.175.954)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	14.072.920.912	14.094.039.346
- Nguyên giá	228		16.490.986.836	16.136.986.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.418.065.924)	(2.042.947.490)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		283.305.379.311	43.416.959.271
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	283.305.379.311	43.416.959.271
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	48.380.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	30.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		48.380.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.334.618.619	7.252.066.918
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.334.618.619	7.252.066.918
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.281.235.715.377	1.079.102.012.979

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.676.724.035.547	772.777.221.890
I. Nợ ngắn hạn	310		1.457.906.996.719	574.425.971.890
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	689.079.616.547	214.484.393.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	30.005.347.827	19.384.427.674
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.376.842.933	4.369.329.943
4. Phải trả người lao động	314		7.800.931.381	2.069.157.135
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.607.444.913	2.931.962.720
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.298.082.552	2.979.908.438
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	722.118.634.655	328.204.728.599
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		620.095.911	2.064.201
II. Nợ dài hạn	330		218.817.038.828	198.351.250.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	218.817.038.828	198.351.250.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		604.511.679.830	306.324.791.089
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	604.511.679.830	306.324.791.089
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		278.500.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		278.500.000.000	136.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.103.900.000	(15.000.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(39.715.243)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.608.907.791	4.989.240.828
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.564.926.542	1.564.926.542
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.621.257.183	56.311.333.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.048.428.666	24.589.802.045
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		37.572.828.517	31.721.531.705
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		186.152.403.557	107.474.289.969
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.281.235.715.377	1.079.102.012.979

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Người lập biểu
 Yên Bái, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Kế toán trưởng

Vũ Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.877.259.669.236	1.331.810.935.761
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.123.819.118	1.060.480.413
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	4.874.135.850.118	1.330.750.455.348
4. Giá vốn hàng bán	11	23	4.662.168.445.379	1.201.067.979.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		211.967.404.739	129.682.475.916
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	22.050.836.034	4.955.862.435
7. Chi phí tài chính	22	25	57.478.986.097	10.717.210.291
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.347.220.274	8.468.502.517
8. Lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			-5.704.582	-
9. Chi phí bán hàng	25	26	78.715.551.968	32.525.994.953
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	42.622.934.219	14.443.262.254
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		55.195.063.907	76.951.870.853
12. Thu nhập khác	31		606.592.508	184.836.378
13. Chi phí khác	32		59.735.862	9.605.583
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		546.856.646	175.230.795
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		55.741.920.553	77.127.101.648
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	10.523.514.897	15.551.458.798
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		45.218.405.656	61.575.642.850
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		37.572.828.517	55.368.490.421
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.645.577.139	6.207.152.429
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.554	3.784

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Người lập biểu

Yên Bái, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Kế toán trưởng

Vũ Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.741.920.553	77.127.101.648
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	41.415.152.013	19.676.006.116
- Các khoản dự phòng	03	2.750.517.531	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	164.531.376	180.554.789
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.074.671.840)	(3.971.954.550)
- Chi phí lãi vay	06	36.347.220.274	8.468.502.517
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	119.344.669.907	101.480.210.520
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(189.226.643.647)	(311.337.808.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(156.545.131.034)	(94.279.477.206)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	373.062.190.408	160.561.997.812
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(20.020.694.640)	(10.200.793.982)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(36.035.455.081)	(7.988.123.130)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.702.049.564)	(12.011.969.922)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.100.000.000	14.961.325.373
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.212.474.544)	(1.413.684.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.764.411.805	(160.228.323.590)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(347.831.058.791)	(210.737.136.289)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(502.834.536.588)	(20.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	90.584.209.814	33.570.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	4.032.242.054	(30.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	30.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.129.390.786	3.968.887.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(716.919.752.725)	(223.198.248.406)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	275.393.000.000	117.985.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.298.593.341.669	700.535.424.598
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.897.880.215.361)	(425.998.934.920)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.286.155.000)	(20.316.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	660.819.971.308	372.205.489.678
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	24.664.630.388	(11.221.082.318)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	124.021.168.833	135.245.944.019
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	246.067.213	(3.692.868)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	148.931.866.434	124.021.168.833

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Người lập biểu
 Yên Bái, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Kế toán trưởng

Vũ Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần An Tiến Industries là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01 tháng 10 năm 2009 và các lần điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hiện hành (thay đổi lần thứ 09 ngày 28 tháng 09 năm 2018), vốn điều lệ của Công ty là 287.500.000.000 VND (tương đương với 28.750.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu Công nghiệp Phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 852 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 146 người).

Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến đá và các sản phẩm từ đá;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa Plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PE, PP);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính: Chế biến đá và các sản phẩm từ đá.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)s

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 03 công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Hải Dương	51,00	51,00	Vận tải hàng hóa bằng đường, ven biển và viễn dương
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	Hải Dương	69,26	69,26	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, PET...
Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore	Singapore	100,00	100,00	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, PET...

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi

Công ty con là Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	30
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền đã trả để có được quyền sử dụng đất hợp pháp (gồm chi phí đã trả cho tổ chức, cá nhân chuyên nhượng hoặc chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...) hoặc theo thỏa thuận của các bên khi góp vốn. Việc xác định TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng đất là 49 năm.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước (Tiếp theo)

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận: Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- (a) Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- (b) Chi phí đi vay vốn;
- (c) Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- (d) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra, không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các giao dịch mua cổ phiếu quan trọng trong năm

Giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với Công ty con - Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore từ 0% lên 100%. Theo đó, Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore trở thành công ty con của Công ty. Hoạt động chính của Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore là bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, PET....

Công ty con - Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore không thuộc nhóm các công ty đại chúng, cổ phiếu của công ty con chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore tại ngày mua được xác định theo giá trị sổ sách, chi tiết được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các giao dịch mua cổ phiếu quan trọng trong năm (Tiếp theo)

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua
	VND
Tài sản	151.945.888.926
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.033.992.854
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	74.532.823.962
Trả trước cho người bán ngắn hạn	34.089.361.245
Phải thu ngắn hạn khác	39.255.780.000
Chi phí trả trước dài hạn	33.930.865
Nợ phải trả	152.070.374.082
Nợ ngắn hạn	152.070.374.082
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(469.358.260)
Tổng tài sản thuần (a)	344.873.104
Tỷ lệ phần sở hữu	100,00%
Cổ đông không kiểm soát (b)	-
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (c)	1.750.800
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ (d) = (c) - (a) + (b)	(343.122.304)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.069.906.000	781.966.622
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.142.366.387	29.267.252.842
Các khoản tương đương tiền (i)	89.719.594.047	93.971.949.369
Cộng	148.931.866.434	124.021.168.833

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng. Một phần số dư tiền gửi này đã được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	187.006.460.274	187.006.460.274	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	157.006.460.274	157.006.460.274	-	-
- Trái phiếu (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
a2) Dài hạn	48.380.000.000	48.380.000.000	-	-
- Trái phiếu (ii)	48.380.000.000	48.380.000.000	-	-
Cộng	235.386.460.274	235.386.460.274	-	-

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo và không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chi tiêu “Các khoản tương đương tiền”. Một phần số dư tiền gửi này đã được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 18.
- (ii) Các khoản đầu tư trái phiếu:

STT	Trái phiếu	Ngày mua	Ngày đáo hạn	Ngày mua lại	Số tiền theo mệnh giá	Số tiền mua lại	Số tiền đã nhận trước	Số tiền còn lại
					VND	VND	VND	VND
	a1) Ngắn hạn				30.000.000.000	31.230.375.000	-	31.230.375.000
1	Công ty TNHH Hakuba (*)	04/05/2018	02/02/2021	12/02/2019	20.000.000.000	20.820.250.000	-	20.820.250.000
2	Công ty TNHH MTV Ataka (*)	27/04/2018	27/04/2021	12/02/2019	10.000.000.000	10.410.125.000	-	10.410.125.000
	a2) Dài hạn				48.380.000.000	48.380.000.000	-	48.380.000.000
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	29/06/2018	29/06/2028		40.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	19/12/2018	19/12/2025		8.380.000.000	8.380.000.000	-	8.380.000.000
	Cộng				78.380.000.000	79.610.375.000	-	79.610.375.000

(*) Tại ngày phát hành báo cáo, các khoản trái phiếu trên đã được bán lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát (i)	-	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	-	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000

- (i) Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát cho Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát với giá 30.000.000.000 VND theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 122002/2018/NQ-HĐQT ngày 20/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	407.748.554.538	119.193.811.246
Phải thu khách hàng ngoài nước	71.525.164.883	18.965.060.689
Cộng	479.273.719.421	138.158.871.935
<i>Trong đó, Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)</i>	<i>43.484.572.865</i>	<i>6.460.603.170</i>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước nhà cung cấp trong nước	23.590.430.158	17.460.899.478
Trả trước nhà cung cấp nước ngoài	57.964.083.588	151.774.164.822
Cộng	81.554.513.746	169.235.064.300

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings (i)	45.418.000.000	-
Công ty Cổ phần Xơ Sợi Tổng Hợp An Sơn (ii)	34.344.860.000	-
Công ty CP Nhựa Đại An (iii)	7.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương (iv)	25.300.000.000	-
Công ty TNHH KCN Kỹ Thuật Cao An Phát (v)	15.000.000.000	-
Công ty CP An Trung Industries (vi)	6.000.000.000	-
Cá nhân khác (vii)	43.801.006.500	-
Cộng	176.863.866.500	-
<i>Trong đó, Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)</i>	<i>60.418.000.000</i>	<i>-</i>

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty Cổ phần An Phát Holdings theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay vốn số 210618/ATT-APH ngày 08/05/2018 số tiền 8.418.000.000 VND, thời hạn vay vốn là 12 tháng, bắt đầu từ ngày nhận giải ngân, lãi suất vay là 5,5%/năm. Tiền gốc và tiền lãi được thanh toán một lần khi đến hạn.

Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành theo Hợp đồng vay vốn số 310718/ATT-APH ngày 31/07/2018, số tiền 8.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (i) Hợp đồng vay vốn số 111218/ATT-APH số tiền 20.000.000.000 VND, mục đích vay: vay vốn phục vụ mục đích đầu tư, từ ngày 11/12/2018, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 6,6%/năm. Tiền gốc và tiền lãi được thanh toán một lần khi đến hạn.

Hợp đồng vay vốn số 081118/ATT_APH số tiền 6.000.000.000 VND, mục đích vay: vay vốn phục vụ mục đích đầu tư, từ ngày 09/11/2018, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 6,75%/năm. Tiền gốc và tiền lãi được thanh toán một lần khi đến hạn.

Hợp đồng vay vốn số 290618/ATT-APH cho Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings vay số tiền 3.000.000.000 VND để phục vụ mục đích đầu tư, từ ngày 03/07/2018, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 5,5%/năm. Tiền gốc và tiền lãi được thanh toán một lần khi đến hạn.

- (ii) Cho vay 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng số 040518/AV-AS ngày 04/05/2018 và Phụ lục gia hạn Hợp đồng số 03082018AV-AS ngày 03/08/2018. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo kỳ hạn sau khi được gia hạn là 06 tháng từ 05/08/2018 đến 01/02/2019; lãi suất cho vay 7%/năm.

Hợp đồng vay vốn số ATT-AST tháng 10 năm 2018 cho Công ty CP Công nghệ CP Xơ Sợi An Sơn vay hạn mức vay 18.924.000.000 VND, mục đích vay: vay vốn phục vụ mục đích kinh doanh, từ ngày 19/10/2018 thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 7%/năm.

- (iii) Hợp đồng vay tiền giữa Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty CP Nhựa Đại An theo những hợp đồng sau:

Hợp đồng vay tiền số 01-060918/ATT-DAP ngày 06/09/2018 giữa Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty CP Nhựa Đại An số tiền 2.000.000.000 VND, thời hạn vay tiền 4 tháng, lãi suất 6,5%/năm, lãi suất được trả vào ngày 15 hàng tháng. Được gia hạn hợp đồng vào ngày 06/12/2018.

Hợp đồng vay tiền số 02-060918/ATT-DAP ngày 06/09/2018 giữa Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty CP Nhựa Đại An số tiền 5.000.000.000 VND, thời hạn vay tiền 12 tháng, lãi suất 8%/năm, lãi suất được trả vào ngày 15 hàng tháng.

- (iv) Hợp đồng vay tiền số 050518/ATT-VD ngày 05/05/2018 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương với số tiền là 15.300.000.000 VND, thời hạn vay tiền là 12 tháng, lãi suất vay là 7%/năm trên số tiền vay.

Cho vay 10.000.000.000 theo Hợp đồng số 050518/AV-VD ngày 05/05/2018 và Phụ lục gia hạn Hợp đồng số 03082018 ngày 03/08/2018. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo kỳ hạn sau khi được gia hạn là từ 08/08/2018 đến 03/01/2019, lãi suất cho vay 7%/năm.

- (v) Hợp đồng vay vốn số 070918/ATT-APC cho Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát vay hạn mức vay 15.000.000.000 VND, mục đích vay: vay vốn phục vụ mục đích đầu tư, từ ngày 07/09/2018, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 7%/năm.

- (vi) Hợp đồng vay tiền số 02122018/HĐVV/AT-ATZ ngày 02/12/2018 với lãi suất 8%/năm trong thời hạn 1 năm.

- (vii) Hợp đồng cho cá nhân vay từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 7%/năm đến 10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

Error! Not a valid link.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	6.330.139.642	-	768.163.818	-
Nguyên liệu, vật liệu	55.169.771.825	-	48.681.277.887	-
Công cụ, dụng cụ	7.547.097.798	-	4.351.149.351	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	438.718.623	-	-	-
Thành phẩm	27.614.887.124	-	18.552.911.674	-
Hàng hóa	186.493.266.977	(2.750.517.531)	54.695.248.225	-
Cộng	283.593.881.989	(2.750.517.531)	127.048.750.955	-

Một phần số dư hàng tồn kho đã được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>5.176.229.554</i>	<i>3.203.563.947</i>
Phí bảo hiểm, phí sử dụng đường bộ, phí đăng kiểm	839.127.750	1.040.798.090
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	20.215.996	587.843.316
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.788.333.369	266.993.207
Chi phí bảo dưỡng xe	553.696.542	707.354.856
Các khoản khác	1.974.855.897	600.574.478
<i>b) Dài hạn</i>	<i>25.334.618.619</i>	<i>7.252.066.918</i>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	8.146.585.272	
Sửa chữa, bảo dưỡng xe	3.518.973.911	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.529.002.041	5.372.416.581
Các khoản khác	4.140.057.395	1.879.650.337
Cộng	30.510.848.173	10.455.630.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	141.471.798.214	138.242.435.536	117.900.239.155	1.828.680.364	1.902.000.000	85.000.000	401.430.153.269
- Mua trong năm	15.803.749.346	58.850.429.617	10.083.326.564	4.110.070.000	-	74.636.364	88.922.211.891
Số dư cuối năm	157.275.547.560	197.092.865.153	127.983.565.719	5.938.750.364	1.902.000.000	159.636.364	490.352.365.160
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	10.368.216.152	21.655.131.950	11.187.074.935	416.644.839	442.570.632	25.537.446	44.095.175.954
- Khấu hao trong năm	6.463.297.811	19.898.308.728	14.043.587.855	535.089.668	63.224.376	36.525.141	41.040.033.579
Số dư cuối năm	16.831.513.963	41.553.440.678	25.230.662.790	951.734.507	505.795.008	62.062.587	85.135.209.533
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	131.103.582.062	116.587.303.586	106.713.164.220	1.412.035.525	1.459.429.368	59.462.554	357.334.977.315
Số dư cuối năm	140.444.033.597	155.539.424.475	102.752.902.929	4.987.015.857	1.396.204.992	97.573.777	405.217.155.627

Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tương ứng là 243.323.797.457 VND và 192.396.857.609 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tương ứng là 378.660.975.082 VND và 355.844.302.444 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.222.330.147 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 93.906.364 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	15.926.986.836	210.000.000	16.136.986.836
- Mua trong năm	-	354.000.000	354.000.000
Số dư cuối năm	15.926.986.836	564.000.000	16.490.986.836
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.035.397.609	7.549.881	2.042.947.490
- Khấu hao trong năm	325.040.544	50.077.890	375.118.434
Số dư cuối năm	2.360.438.153	57.627.771	2.418.065.924
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	13.891.589.227	202.450.119	14.094.039.346
Số dư cuối năm	13.566.548.683	506.372.229	14.072.920.912

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Sản xuất Bao bì An Vinh	240.589.511.717	-
Nhà máy Sản xuất Vật liệu An Cường	31.692.956.279	-
Nhà máy hạt nhựa phụ gia	4.224.126.351	-
Xây dựng cơ bản	3.771.494.018	4.124.126.351
Mua sắm TSCĐ	2.131.433.651	39.292.832.920
Sửa chữa TSCĐ	895.857.295	-
Cộng	283.305.379.311	43.416.959.271

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp trong nước	582.011.005.689	582.011.005.689	164.751.017.822	164.751.017.822
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	107.068.610.858	107.068.610.858	49.733.375.358	49.733.375.358
Cộng	689.079.616.547	689.079.616.547	214.484.393.180	214.484.393.180

*Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên
 quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)*

512.555.849.380 512.555.849.380 125.481.368.910 125.481.368.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước trong nước	22.059.842.619	13.296.180.293
Người mua trả tiền trước nước ngoài	7.945.505.208	6.088.247.381
Cộng	30.005.347.827	19.384.427.674
<i>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)</i>	<i>15.499.935.649</i>	<i>12.391.635.293</i>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	194.484.629.752	194.484.629.752	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.804.229.321	7.804.229.321	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.239.980.039	10.523.514.897	12.998.176.305	1.765.318.631
Thuế thu nhập cá nhân	129.349.904	1.410.334.397	928.159.999	611.524.302
Thuế tài nguyên	-	18.834.300	18.834.300	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	90.628.426	90.628.426	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	331.879.200	331.879.200	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	54.993.127	54.993.127	-
Cộng	4.369.329.943	214.724.043.420	216.716.530.430	2.376.842.933
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	202.114.928	202.114.928	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	58.868.426	58.868.426	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.703.873.259	2.703.873.259
Cộng	260.983.354	260.983.354	2.703.873.259	2.703.873.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Tăng khác (i)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	722.118.634.655	722.118.634.655	1.842.628.896.263	2.222.938.055.966	13.604.746.353	328.204.728.599	328.204.728.599
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	-	-	450.000.000	450.000.000	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Nhựa Và Môi Trường Xanh An Phát (ii)	22.500.000.000	22.500.000.000	147.000.000.000	139.500.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - CN Thăng Long (iii)	16.965.882.574	16.965.882.574	29.838.449	16.995.721.023	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương (iv)	79.866.391.091	79.866.391.091	75.753.545.635	155.619.936.726	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương (v)	261.303.741.760	261.303.741.760	938.389.967.114	1.001.679.967.066	-	198.013.741.808	198.013.741.808
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (vi)	31.995.634.028	31.995.634.028	20.024.063	32.015.658.091	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương (vii)	62.958.933.821	62.958.933.821	194.109.263.934	212.224.164.579	-	44.844.033.176	44.844.033.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD 1 (viii)	93.013.993.948	93.013.993.948	121.896.020.461	214.910.014.409	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hải Dương (ix)	83.258.426.138	83.258.426.138	131.170.825.906	204.722.827.980	-	9.706.424.064	9.706.424.064
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương (x)	38.549.941.975	38.549.941.975	91.889.996.372	130.439.938.347	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Dương (xi)	13.706.789.320	13.706.789.320	119.184.667.976	87.250.927.745	-	45.640.529.551	45.640.529.551
Vay cá nhân (xii)	17.998.900.000	17.998.900.000	22.734.746.353	27.128.900.000	13.604.746.353	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giảm	Tăng	Tăng khác (i)	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn	218.817.038.828	218.817.038.828	55.388.400.000	75.854.188.828	-	198.351.250.000	198.351.250.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương (xiii)	27.830.000.000	27.830.000.000	8.891.000.000	17.635.000.000	-	19.086.000.000	19.086.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương (xiv)	14.242.850.000	14.242.850.000	5.997.400.000	-	-	20.240.250.000	20.240.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD I (xv)	22.597.588.828	22.597.588.828	-	22.597.588.828	-	-	-
Trái phiếu phát hành (xvi)	129.285.000.000	129.285.000.000	-	260.000.000	-	129.025.000.000	129.025.000.000
Vay cá nhân (xvii)	24.861.600.000	24.861.600.000	40.500.000.000	35.361.600.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	940.935.673.483	940.935.673.483	1.898.017.296.263	2.298.792.244.794	13.604.746.353	526.555.978.599	526.555.978.599
<i>Trong đó, Vay các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)</i>	<i>22.500.000.000</i>	<i>22.500.000.000</i>	<i>162.204.746.353</i>	<i>141.100.000.000</i>	<i>13.604.746.353</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>

Ghi chú:

- (i) Tăng khác trong năm là khoản điều chỉnh tăng khoản vay tại Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore.
- (ii) Hợp đồng vay vốn với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát theo các hợp đồng vay vốn sau:
 - Hợp đồng 2011/2018/AAA-HII ngày 20/11/2018 số tiền 20.000.000.000 VND để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 6,9%/năm. Không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng số 0611/2018/AAA-HII ngày 06/11/2018 số tiền 17.000.000.000 VND để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh trong vòng 10 tháng với lãi suất 6,5%/năm. Không có tài sản đảm bảo.
 - Trong năm, Công ty đã thanh toán số tiền 30.000.000.000 VND cho 2 hợp đồng trên.
 - Hợp đồng vay vốn số: 0811/2018-/AAA-AVP ngày 08/11/2018. Số tiền vay là 15.500.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 10 tháng bắt đầu từ ngày nhận giải ngân. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì, hạt nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay là 6,5%/năm. Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (iii) Hợp đồng cấp tín dụng số 0018/2018/HĐTD-OCB-DN ngày 13/11/2018. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND hoặc USD có giá trị tương đương. Thời hạn của hạn mức là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất quy định tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nhựa và nguyên liệu để sản xuất nhựa, nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, Cam kết bảo lãnh của cá nhân chủ tịch hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 02.05/2018-HĐCVHM/NHCT340-ANVINH ngày 02/05/2018. Hạn mức cho vay tối đa 100 tỷ VND. Thời hạn duy trì, từ ngày 02/05/2018 đến ngày 26/04/2019. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì, hạt nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay ưu đãi 6%/năm đối với VND và 2,7%/năm đối với USD, áp dụng tối đa 04 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Sau đó điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 35 tỷ đồng.
- (v) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 76/2018/HĐCVHM/NHCT-KCNHD5 ngày 17/04/2018, tổng hạn mức vay là 100 tỷ VND (hoặc ngoại tệ tương đương). Công ty vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 06/04/2018 đến hết ngày 31/03/2019. Thời hạn cho vay của từng khoản tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 23/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 30/03/2015, Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho luân chuyển số 21/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 30/03/2015 và toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ vốn góp của Công ty tại Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty Cổ phần Liên vận An Tín theo Hợp đồng thế chấp số 50/2018/HĐBĐ/NHCTKCNHD5 ngày 17/04/2018.
 - Hợp đồng cho vay hạn mức số 58/2018/HĐCVHM/NHCTKCNHD5 ngày 28/03/2018. Hạn mức cho vay là 350 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 28/03/2018 đến 28/03/2019, thời hạn từng khoản vay không quá 4 tháng kể từ ngày ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Lãi suất cho vay bằng VND là khoảng 6% - 6,75%/năm, và bằng USD là 2,9%/năm. Dự nợ gốc trả theo quy định của giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp hàng tồn kho, phải thu luân chuyển của Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- (vi) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/3197534/HĐTD ngày 18/12/2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành số tiền 50.000.000.000 VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đến 30/04/2019. Lãi suất cụ thể được quy định trên các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh,... Tài sản thế chấp theo hợp đồng số 01/2018/3197534/HĐBĐ ngày 18/12/2018.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/3197534/HĐTD ngày 03/05/2018, hạn mức tín dụng tối đa là 60 tỷ VND và ngoại tệ tương đương. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/04/2019. Lãi suất vay có điều chỉnh. Thời hạn trả lãi vay, gốc vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng vay thế. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3197534/HĐBĐ ký ngày 24/04/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9597689/HĐTD ngày 08/02/2018. Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là 100 tỷ VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay/ bảo lãnh/ thời hạn LC/ Lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, LC được phát hành. Biện pháp đảm bảo: cầm cố Hợp đồng tiền gửi số 01/2018/9597689/HĐTG ngày 09/02/2018, Thẻ chấp 500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát.
 - Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10699682/HĐTD ngày 28/09/2018. Hạn mức tín dụng thường xuyên (bao gồm: cho vay ngắn hạn, mở L/C trừ phần ký quỹ và bảo lãnh trừ phần ký quỹ) với số tiền tối đa là 55.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay và lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là hệ thống máy móc thiết bị tại nhà máy của Công ty với tổng giá trị 21.692.000.000 VND.
 - Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 01/2018/10812123/HĐTD ngày 07/11/2018. Hạn mức cho vay tối đa 100 tỷ VND. Thời hạn duy trì, đến hết 31/08/2019. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C (trừ phần ký quỹ). Lãi suất áp dụng cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tại mọi thời điểm, Công ty phải đáp ứng tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 35% dư nợ vay, dư mở L/C, bảo lãnh. Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện ký kết trước ngày giải ngân.
- (ix) Hợp đồng cấp tín dụng số HDG2017 0561/HĐTD ngày 26/10/2017, hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng tăng lên 200 tỷ VND theo phụ lục số HDG20170561/HĐTD/PL02 ngày 26/10/2018. Thời hạn của hạn mức là 12 tháng (đến 26/10/2018) được gia hạn đến ngày 27/10/2019 theo phụ lục số HDG20170561/HĐTD/PL02 ngày 26/10/2018. Thời hạn của từng khoản vay không vượt quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.
- (x) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 180048/NHNTHD ngày 22/06/2018. Hạn mức cho vay 200 tỷ VND, trong đó, điều kiện sử dụng hạn mức cho vay cụ thể như sau: Hạn mức cho vay là 40 tỷ VND khi biện pháp đảm bảo là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD597627, bảo lãnh vốn vay của công ty Cổ phần nhựa và Môi trường xanh An Phát; hạn mức cho vay từ 40 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng nếu bổ sung thêm các biện pháp đảm bảo gồm: thế chấp tài sản là một phần quyền đòi nợ các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán, thế chấp một phần hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất của bên vay, bên vay bổ sung tài sản đảm bảo tối thiểu bằng 50% hạn mức tăng Cho vay tăng thêm. Hạn mức từ 100 tỷ VND đến 200 tỷ VND khi bên vay bổ sung tài sản đảm bảo tối thiểu bằng 100% hạn mức Cho vay tăng thêm. Tại thời điểm ký hợp đồng, hạn mức cho vay là 100 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Đồng tiền cho vay là USD hoặc VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (xi) Hợp đồng cấp tín dụng số 22050.17.270.328.3571.TD ngày 03/11/2017. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND hoặc USD có giá trị tương đương. Thời hạn của hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 20/09/2018 từ thời điểm kết thúc hợp đồng vay đến 31/12/2018 số dư nợ vay không đổi, đến 02/01/2019 Công ty đã ký kết với ngân hàng hợp đồng 42975.18.270.3283571. Thời hạn của từng khoản tín dụng là 4 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: trường hợp dư nợ dưới 15 tỷ VND được bảo đảm bằng giấy tờ có giá, phương tiện vận tải, bất động sản đáp ứng điều kiện nhận tài sản của ngân hàng, trường hợp dư nợ vượt 15 tỷ đồng được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, Công ty CP Nhựa và Khoán sản An Phát - Yên Bái, và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng.
- (xii) Vay ngắn hạn cá nhân theo hợp đồng vay cá nhân thời hạn 12 tháng, bắt đầu từ 02/10/2018. Lãi suất 8%/năm, với mục đích huy động vốn đầu tư kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (xiii) Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với Công ty Cổ phần Liên vận An Tín theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02.01/2018-HĐCVDADT/NHCT340-ANTIN ngày 02/02/2018. Hạn mức cho vay 635.000.000 VND trong thời hạn 36 tháng. Lãi suất 8,5%/năm ưu đãi trong vòng 12 tháng, sau đó lãi suất là 10%/năm. Mục đích vay để thanh toán chi phí hợp pháp của dự án đầu tư 1 xe ô tô Innova G theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 257/HĐMB-MB ngày 12/01/2018. Tài sản đảm bảo là ô tô Toyota Innova G biển kiểm soát 51G-567.05.
 - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.04/2018-HĐCVDAT/NHCT340-ANTIN ngày 23/04/2018. Hạn mức cho vay 17.000.000.000 VND trong thời hạn 60 tháng. Lãi suất 8,5% ưu đãi trong vòng 1 năm, sau đó lãi suất là 10%/năm. Mục đích vay dùng để bù đắp chi phí hợp pháp của dự án đầu tư mua 30 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Freightliner Cascadia và 16 Sômi romooc chở container nhãn hiệu CIMC phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20.04/2018/HĐBD/NHCT340-ANTIN gồm 34 xe ô tô đầu kéo và sômi rơ mooc.
 - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.06/CNHD9/HĐCVDADT/ANTIN/50XE ngày 14/06/2017. Hạn mức cho vay 20.000.000.000 VND, thời hạn 60 tháng, lãi suất 8%/năm ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên, sau đó chuyển sang lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua phương tiện vận tải bao gồm 20 đầu kéo và 30 sơ mi rơ mooc phục vụ kinh doanh vận tải. Tài sản đảm bảo: theo hợp đồng thế chấp tài sản số 14.06/CNHD9/2017/HĐTC/ANTIN/20ROMOOC/CIMC, 14.06/CNHD9/2017/HĐTC/ANTIN/20ROMOOC/CIMC, 23.06/CNHD9/2017/HĐTC/ANTIN/6DAUKEO/CIMC bao gồm 30 rơ mooc và 6 đầu kéo.
 - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.10/CNHD9/HĐCVDADT/ANTIN ngày 20/10/2017. Hạn mức cho vay 400.000.000 VND, thời hạn 36 tháng, lãi suất 8%/năm ưu đãi trong vòng 1 năm, sau đó lãi suất là 10%/năm. Mục đích vay để thanh toán đầu tư mua xe 5 chỗ RANGER 2.2 4x2 T XLS theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 548/051017/HĐMB/HPF ký ngày 05/10/2017. Tài sản đảm bảo là xe 5 chỗ RANGER 2.2 4x2 T XLS.
 - Hợp đồng tín dụng số 04.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANTIN ngày 04/07/2016. Hạn mức cho vay 9.000.000.000 VND trong thời hạn 36 tháng Lãi suất ưu đãi là 8%/năm trong 12 tháng, sau đó điều chỉnh lên 10,5%/năm. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án mua phương tiện vận tải gồm 10 xe ô tô đầu kéo và 10 sơ mi rơ mooc để phục vụ sản xuất kinh doanh vận tải. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04.07.16.933/HĐTC-ANTIN gồm 10 ô tô đầu kéo và 10 sơ mi rơ mooc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(xiii) Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với Công ty Cổ phần liên vận An Tín theo các hợp đồng tín dụng sau (tiếp theo):

- Hợp đồng tín dụng số 29.11/CNHD9/2016/HĐTDDA/ANTIN ngày 29/11/2016. Hạn mức cho vay 7.000.000.000 VND, thời hạn 36 tháng. Lãi suất 7.5%/năm ưu đãi trong vòng 1 năm, sau đó lãi suất là 10,5%/năm. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án mua phương tiện vận tải gồm 10 xe ô tô đầu kéo để phục vụ sản xuất kinh doanh vận tải. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 29.11/CNHD9/2016/HĐTC/ANTIN gồm 10 ô tô đầu kéo.

(xiv) Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HĐTDDA/KCNHD5 ngày 27/11/2015, giá trị vay tối đa là 15 tỷ VND, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27/11/2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.
- Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19/09/2016 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 VND. Khoản vay để nhập khẩu máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27/11/2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

(xv) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/10812123/HDTD ngày 07/11/2018. Khoản vay với giá trị bằng VND hoặc tương ứng 6.356.246 USD, quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm giải ngân. Tương ứng 65% giá trị dự án. Mục đích khoản vay để thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị cho dự án sản xuất bao bì PP, bao bì FIBC của Công ty. Thời hạn cho vay 5 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Lịch trả nợ gốc trả theo từng quý, trả lần đầu vào 25/03/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(xvi) Phát hành trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETINBANK.KCNHD-ANPHATYENBAI ngày 20/10/2016 với số lượng 130 trái phiếu mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Ngân hàng mua trái phiếu với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn. Mục đích phát hành trái phiếu: đầu tư máy móc thiết bị và đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo3- Giai đoạn 3- Đợt 1.

(xvii) Hợp đồng vay cá nhân với thời hạn 24 tháng bắt đầu từ ngày 05/09/2018. Lãi suất 8%/năm, với mục đích huy động vốn đầu tư kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Thời hạn trả gốc tại thời điểm tất toán.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	56.055.400.000	13.021.400.000
Trong năm thứ hai	85.546.035.531	42.447.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	77.930.603.297	143.857.450.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(715.000.000)	(975.000.000)
Cộng	218.817.038.828	198.351.250.000

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa phản ánh số phải trả trong vòng 12 tháng sang nợ ngắn hạn với số tiền là 56.055.400.000 VND (tại ngày 31/12/2017 là 13.021.400.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000	-	-	1.564.926.542	4.387.924.619	25.771.605.889	-	117.724.457.050
Tăng vốn trong năm	50.000.000.000	(15.000.000)	-	-	-	-	98.000.000.000	147.985.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	464.330.318	386.941.931	851.272.249
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	55.368.490.421	6.207.152.429	61.575.642.850
Do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong năm	-	-	-	-	-	(2.996.278.188)	2.996.278.188	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	601.316.209	(1.896.814.690)	(116.082.579)	(1.411.581.060)
Tạm ứng cổ tức năm 2017	-	-	-	-	-	(20.400.000.000)	-	(20.400.000.000)
Số dư đầu năm nay	136.000.000.000	(15.000.000)	-	1.564.926.542	4.989.240.828	56.311.333.750	107.474.289.969	306.324.791.089
Tăng vốn trong năm (i)	142.500.000.000	54.398.900.000	-	-	-	-	78.774.100.000	275.673.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	37.572.828.517	7.645.577.139	45.218.405.656
Do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong năm	-	-	-	-	-	4.552.969.048	(4.552.969.048)	-
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	2.619.666.963	(8.202.201.293)	(1.247.971.924)	(6.830.506.254)
Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	(469.358.260)	-	-	-	-	(469.358.260)
Tăng do mất quyền kiểm soát công ty liên kết	-	-	-	-	-	5.704.582	-	5.704.582
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(13.600.000.000)	-	(13.600.000.000)
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.960.000.000)	(1.960.000.000)
Tăng giảm tỷ giá do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	429.643.017	-	-	-	-	429.643.017
Giảm khác	-	(280.000.000)	-	-	-	(19.377.421)	19.377.421	(280.000.000)
Số dư cuối năm	278.500.000.000	54.103.900.000	(39.715.243)	1.564.926.542	7.608.907.791	76.621.257.183	186.152.403.557	604.511.679.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- i. Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 1206/2018/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ, danh sách các tổ chức và cá nhân góp vốn và thời gian góp vốn.
- ii. Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái năm 2018 số 1202/2018/NQ-ĐHĐ ngày 12 tháng 2 năm 2018, theo đó, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10%; trích quỹ đầu tư phát triển 5%; chia cổ tức bằng tiền mặt 25% trên lợi nhuận sau thuế năm 2017, và sử dụng phần lợi nhuận sau thuế còn lại để bổ sung vốn lưu động.

b) Cổ phiếu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.850.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.850.000	13.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>27.850.000</i>	<i>13.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.850.000	13.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>27.850.000</i>	<i>13.600.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	503.240,01	222.155,04
EUR	543,31	246,67
SGD	1.362.290,00	-

21. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, bộ phận kinh doanh thương mại và bộ phận cung cấp dịch vụ.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất	- Sản xuất thành phẩm
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa
Bộ phận dịch vụ	- Cung cấp dịch vụ vận chuyển

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản bộ phận

	Sản xuất	Kinh doanh thương mại	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND

Số đầu năm

Tài sản

Tài sản bộ phận	605.916.636.773	448.212.460.639	133.252.438.824	(108.279.523.257)	1.079.102.012.979
-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-------------------	-------------------

Tổng tài sản hợp nhất	605.916.636.773	448.212.460.639	133.252.438.824	(108.279.523.257)	1.079.102.012.979
------------------------------	------------------------	------------------------	------------------------	--------------------------	--------------------------

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	416.927.131.336	334.753.621.268	27.375.992.543	(6.279.523.257)	772.777.221.890
---------------------	-----------------	-----------------	----------------	-----------------	-----------------

Tổng nợ phải trả hợp nhất	416.927.131.336	334.753.621.268	27.375.992.543	(6.279.523.257)	772.777.221.890
----------------------------------	------------------------	------------------------	-----------------------	------------------------	------------------------

Số cuối năm

Tài sản

Tài sản bộ phận	813.417.092.038	1.575.987.754.710	148.958.072.698	(257.127.204.069)	2.281.235.715.377
-----------------	-----------------	-------------------	-----------------	-------------------	-------------------

Tổng tài sản hợp nhất	813.417.092.038	1.575.987.754.710	148.958.072.698	(257.127.204.069)	2.281.235.715.377
------------------------------	------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------	--------------------------

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	413.120.184.525	1.304.776.630.866	39.342.586.775	(80.515.366.619)	1.676.724.035.547
---------------------	-----------------	-------------------	----------------	------------------	-------------------

Tổng nợ phải trả hợp nhất	413.120.184.525	1.304.776.630.866	39.342.586.775	(80.515.366.619)	1.676.724.035.547
----------------------------------	------------------------	--------------------------	-----------------------	-------------------------	--------------------------

Kết quả kinh doanh bộ phận

	Sản xuất	Kinh doanh	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số năm trước					
Doanh thu thuần	549.248.507.796	794.486.443.629	87.442.964.010	(100.427.460.087)	1.330.750.455.348
Kết quả kinh doanh bộ phận	42.836.247.773	13.458.839.371	5.280.555.706		61.575.642.850

Số năm nay

Doanh thu thuần	506.866.001.790	4.610.033.633.728	185.212.181.871	(427.975.967.271)	4.874.135.850.118
-----------------	-----------------	-------------------	-----------------	-------------------	-------------------

Kết quả kinh doanh bộ phận	30.869.544.575	6.081.765.868	8.267.095.213	-	45.218.405.656
-----------------------------------	-----------------------	----------------------	----------------------	----------	-----------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động tại Yên Bái, Hải Dương và nước Cộng hòa Singapore. Hoạt động sản xuất được thực hiện tại Yên Bái, hoạt động cung cấp dịch vụ được thực hiện ở Hải Dương và Singapore.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	3.341.499.108.114	849.593.739.892
Tỉnh Yên Bái	263.954.981.213	481.156.715.456
Cộng hòa Singapore	1.268.681.760.791	-
Cộng	<u>4.874.135.850.118</u>	<u>1.330.750.455.348</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	1.569.693.577.351	581.464.899.463	20.574.583.727	101.730.147.898
Tỉnh Yên Bái	616.148.632.211	497.637.113.516	68.701.628.164	174.205.226.527
Cộng hòa Singapore	95.393.505.815	-	-	-
Cộng	<u>2.281.235.715.377</u>	<u>1.079.102.012.979</u>	<u>89.276.211.891</u>	<u>275.935.374.425</u>

22. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>4.877.259.669.236</u>	<u>1.331.810.935.761</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	469.275.353.523	279.014.139.714
- Doanh thu bán hàng hóa	4.285.217.441.957	992.378.445.233
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.579.719.810	60.418.350.814
- Doanh thu công trình	168.579.400	-
- Doanh thu khác	18.574.546	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>3.123.819.118</u>	<u>1.060.480.413</u>
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	350.816.484	135.859.091
- Hàng bán bị trả lại	2.773.002.634	924.621.322
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>3.123.819.118</u>	<u>1.330.750.455.348</u>
Trong đó, Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 31)	<u>406.417.872.363</u>	<u>183.649.587.898</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	371.806.893.845	193.820.916.987
Giá vốn bán hàng hóa	4.196.740.116.706	956.242.769.340
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	93.588.147.133	51.004.293.105
Giá vốn công trình	33.287.695	-
Cộng	4.662.168.445.379	1.201.067.979.432

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.737.254.118	3.971.954.550
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.313.581.916	983.907.885
Cộng	22.050.836.034	4.955.862.435
Trong đó, Doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 31)	968.471.535	-

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	36.347.220.274	8.468.502.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.240.615.806	2.248.707.774
Chi phí tài chính khác	8.891.150.017	-
Cộng	57.478.986.097	10.717.210.291
Trong đó, Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 31)	466.034.248	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	13.621.704.904	4.781.751.221
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.737.796	951.630.463
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.262.624.852	1.652.578.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.243.736.393	4.118.754.870
Các khoản chi phí QLDN khác	9.464.130.274	2.938.547.562
Cộng	42.622.934.219	14.443.262.254
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	17.661.514.046	4443003254
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.333.207.481	2.187.824.213
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.780.589.335	662.068.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.461.238.449	24.897.146.712
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.479.002.656	335.952.425
Cộng	78.715.551.968	32.525.994.953

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	363.794.997.460	105.783.783.334
Chi phí nhân công	60.060.589.375	21.459.479.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.415.152.013	18.705.565.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.026.719.780	51.985.103.071
Chi phí khác bằng tiền	14.275.570.774	16.706.193.563
Cộng	589.573.029.402	214.640.124.824

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Tại Công ty mẹ	7.080.021.769	10.781.147.833
Tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	1.060.306.302	3.364.709.843
Tại Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	2.383.186.826	1.405.601.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.523.514.897	15.551.458.798

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể (ngoài giá trị điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế như trên). Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.572.828.517	55.368.490.421
Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến	10%	10%
Lợi nhuận dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.757.282.852	5.536.849.042
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.815.545.665	49.831.641.379
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.759.589	13.169.863
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.554	3.784
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	940.935.673.483	526.555.978.599
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(148.931.866.434)	(124.021.168.833)
Nợ thuần	792.003.807.049	402.534.809.766
Vốn chủ sở hữu	604.511.679.830	306.324.791.089
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	131,0%	131,4 %

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.931.866.434	124.021.168.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	677.621.791.444	149.397.886.499
Đầu tư tài chính ngắn hạn	187.006.460.274	-
Đầu tư tài chính dài hạn	48.380.000.000	30.000.000.000
Cộng	1.061.940.118.152	303.419.055.332
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	940.935.673.483	526.555.978.599
Phải trả người bán và phải trả khác	692.377.699.099	217.464.301.618
Chi phí phải trả	2.607.444.913	2.931.962.720
Cộng	1.635.920.817.495	746.952.242.937

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2018 do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.931.866.434	-	148.931.866.434
Phải thu khách hàng và phải thu khác	674.008.081.977	3.613.709.467	677.621.791.444
Đầu tư tài chính ngắn hạn	187.006.460.274	-	187.006.460.274
Đầu tư tài chính dài hạn	-	48.380.000.000	48.380.000.000
Cộng	1.009.946.408.685	51.993.709.467	1.061.940.118.152
Số cuối năm			
Các khoản vay	722.118.634.655	218.817.038.828	940.935.673.483
Phải trả người bán và phải trả khác	692.377.699.099	-	692.377.699.099
Chi phí phải trả	2.607.444.913	-	2.607.444.913
Cộng	1.417.103.778.667	218.817.038.828	1.635.920.817.495
Chênh lệch thanh khoản thuần	(407.157.369.982)	(166.823.329.361)	(573.980.699.343)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.021.168.833	-	124.021.168.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.397.886.499	-	149.397.886.499
Đầu tư tài chính dài hạn	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	273.419.055.332	30.000.000.000	303.419.055.332
Số đầu năm			
Các khoản vay	328.204.728.599	198.351.250.000	526.555.978.599
Phải trả người bán và phải trả khác	217.464.301.618	-	217.464.301.618
Chi phí phải trả	2.931.962.720	-	2.931.962.720
Cộng	548.600.992.937	198.351.250.000	746.952.242.937
Chênh lệch thanh khoản thuần	(275.181.937.605)	(168.351.250.000)	(443.533.187.605)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Cổ đông lớn
Công ty TNHH KCN kỹ thuật cao An Phát	Công ty trong tập đoàn
HDQT, ban Tổng giám đốc và cá nhân liên quan	Lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	800.849.917	668.707.537
Cộng	800.849.917	668.707.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	406.417.872.363	183.649.587.898
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	404.774.255.256	183.649.587.898
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	5.863.102	-
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	1.637.754.005	-
Doanh thu tài chính	968.471.535	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	673.745.508	-
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	294.726.027	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.464.935.124.780	621.321.790.263
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.461.393.577.957	621.321.790.263
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	206.553.908	-
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	3.334.992.915	-
Chi phí tài chính	466.034.248	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	466.034.248	-
Chi trả cổ tức	5.730.810.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	4.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	930.810.000	-
Mua tài sản	187.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	187.000.000	-
Thanh lý khoản đầu tư tài chính	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	30.000.000.000	-
Đi vay	154.704.746.353	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	450.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Nhựa Và Môi Trường Xanh An Phát	139.500.000.000	30.000.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	13.604.746.353	-
Ông Vũ Thanh Bình	1.150.000.000	-
Thanh toán các khoản đi vay	162.204.746.353	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	450.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Nhựa Và Môi Trường Xanh An Phát	147.000.000.000	-
Ông Phạm Ánh Dương	13.604.746.353	-
Ông Vũ Thanh Bình	1.150.000.000	-
Cho vay	60.418.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	45.418.000.000	-
Công ty TNHH KCN Kỹ Thuật Cao An Phát	15.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	43.415.787.978	6.460.603.170
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	42.856.516.772	6.460.603.170
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	6.449.411	-
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	552.821.795	-
Người mua trả tiền trước	15.499.935.649	12.391.635.293
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	15.499.935.649	12.391.635.293
Phải trả người bán	512.555.849.380	125.481.368.910
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	509.641.202.275	125.481.368.910
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	227.209.298	-
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	2.687.437.807	-
Phải thu khác	3.434.941.828	20.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	9.500.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	673.745.508	-
Công ty TNHH KCN kỹ thuật cao An Phát	162.945.205	-
Ông Phạm Ánh Dương	2.359.900.000	-
Bà Hà Thị Xuyên	228.851.115	20.000.000
Phải trả khác	1.133.421.772	2.001.119.006
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.133.421.772	2.001.119.006
Các khoản vay	22.500.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	22.500.000.000	30.000.000.000
Các khoản cho vay	60.418.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	45.418.000.000	-
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	15.000.000.000	-

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.752.312.907 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán; và 23.151.939.767 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà đã ứng trước cho nhà cung cấp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Người lập biểu
 Yên Bái, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Kế toán trưởng

Vũ Thanh Bình
 Tổng Giám đốc